

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đỗ Thị Hồng Vân**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Hoà Thị Thanh Hương**

**HẢI PHÒNG - 2017**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH  
TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN  
MINH TRUNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đỗ Thị Hồng Vân**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Hoà Thị Thanh Hương**

**HẢI PHÒNG - 2017**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Đỗ Thị Hồng Vân

Mã SV: 1312401113

Lớp: QT1702K

Ngành: Kế toán- Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH  
Thương mại và Giao nhận Minh Trung

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP THEO QUYẾT ĐỊNH 48/2006/BTC</b> .....	<b>2</b>
1.1. Những vấn đề chung về tài sản cố định (TSCĐ) trong doanh nghiệp .....	2
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của TSCĐ.....	2
1.1.2. Vai trò của TSCĐ .....	2
1.1.3. Phân loại TSCĐ.....	2
1.1.3.1. Phân loại theo hình thái biểu hiện .....	3
1.1.3.2. Phân loại theo công dụng kinh tế .....	4
1.1.3.3. Phân loại theo tình hình sử dụng .....	4
1.1.3.4. Phân loại theo mục đích sử dụng.....	5
1.1.4. Đánh giá tài sản cố định .....	5
1.1.4.1. Đánh giá TSCĐ theo nguyên giá:.....	5
1.1.4.2. Giá trị còn lại của TSCĐ .....	10
1.1.5. Nhiệm vụ của kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp .....	10
1.2. Tổ chức kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp theo QĐ 48/2006/BTC.....	11
1.2.1. Kế toán chi tiết TSCĐ .....	11
1.2.1.1. Kế toán chi tiết TSCĐ tại các nơi sử dụng, bảo quản TSCĐ.....	11
1.2.1.2. Kế toán chi tiết ở bộ phận kế toán doanh nghiệp .....	11
1.2.2. Kế toán tổng hợp TSCĐ theo QĐ 48/2006/BTC .....	13
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng .....	13
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng .....	13
1.2.2.3. Kế toán tổng hợp TSCĐ .....	15
1.2.3. Hao mòn và khấu hao TSCĐ.....	16
1.2.3.1. Khái niệm.....	16
1.2.3.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ.....	17
1.2.3.3. Tổ chức kế toán khấu hao TSCĐ .....	19
1.2.4. Kế toán sửa chữa TSCĐ.....	21
1.3. Các hình thức ghi sổ kế toán TSCĐ.....	23
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật kí chung.....	23
1.3.2. Hình thức Nhật kí – Sổ cái .....	24
1.3.3. Hình thức chứng từ ghi sổ.....	25
1.3.4. Hình thức Nhật kí – Chứng từ.....	26
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy tính .....	27

<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN MINH TRUNG.....</b>	<b>29</b>
2.1. Tổng quan về công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung .....	29
2.2.1. Giới thiệu về công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung ....	29
2.2.1.1. Khái quát về công ty.....	29
2.2.1.2. Ngành nghề kinh doanh của công ty .....	30
2.2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty .....	30
2.2.2. Đặc điểm công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung.....	32
2.2.3. Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung.....	34
2.2.3.1. Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty.....	34
2.2.3.2. Chế độ và chính sách kế toán tại công ty .....	35
2.3. Thực trạng công tác kế toán TSCĐ tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung.....	35
2.3.1. Đặc điểm TSCĐ hữu hình và công tác quản lý TSCĐ hữu hình tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung .....	36
2.3.1.1. Đặc điểm TSCĐ hữu hình tại công ty .....	36
2.3.1.2. Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm tại công ty.....	36
2.3.1.3. Phân loại TSCĐ hữu hình tại công ty.....	36
2.3.1.4. Yêu cầu quản lý TSCĐ hữu hình tại công ty .....	37
2.3.2. Kế toán tăng giảm TSCĐ hữu hình tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung.....	37
2.3.2.1. Chứng từ sử dụng tại công ty .....	37
2.3.2.2. Tài khoản sử dụng tại công ty .....	37
2.3.2.3. Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty .....	37
2.3.2.4. Quy trình kế toán tăng giảm TSCĐ.....	38
2.3.2.5. Ví dụ về kế toán tăng giảm TSCĐ.....	38
2.3.3. Kế toán khấu hao TSCĐ hữu hình tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung.....	55
2.3.3.1. Phân tích khấu hao cơ bản TSCĐ tại công ty.....	55
2.3.3.2. Chứng từ sử dụng tại công ty .....	56
2.3.3.3. Tài khoản sử dụng tại công ty .....	58
2.3.3.4. Sổ sách sử dụng tại công ty .....	58
2.3.3.5. Quy trình hạch toán kế toán khấu hao TSCĐ tại công ty.....	59

2.3.4. Kế toán sửa chữa TSCĐ hữu hình tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung.....	62
2.3.4.1. Chứng từ sử dụng tại công ty .....	62
2.3.4.2. Sổ sách sử dụng tại công ty .....	62
2.3.4.3. Quy trình hạch toán kế toán sửa chữa tại công ty .....	62
2.3.4.4. Ví dụ về kế toán sửa chữa TSCĐ tại công ty .....	63
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN MINH TRUNG .....</b>	<b>73</b>
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán TSCĐ tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung .....	73
3.1.1. Những ưu điểm trong công tác kế toán của công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung .....	73
3.1.2. Những hạn chế trong công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung .....	74
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung .....	75
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung .....	75
3.2.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung. ....	76
3.2.2.1. Ý kiến thứ nhất: Công ty phải hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ đối với những chi phí sửa chữa lớn làm tăng tuổi thọ của xe ô tô .....	76
3.2.2.2. Ý kiến thứ hai: Công ty nên trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ....	77
3.2.2.3. Ý kiến thứ ba: Công ty cần thực hiện trích khấu hao theo đúng TT45/2013/BTC .....	78
3.2.2.4. Ý kiến thứ bốn: Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán .....	82
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>91</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>92</b>

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Từ viết tắt</b>
1	Tài sản cố định	TSCĐ
2	Khấu hao cơ bản	KHCB
3	Doanh nghiệp	DN
4	Giá trị gia tăng	GTGT
5	Kế toán	KT
6	Ngày tháng ghi sổ	NTGS
7	Ngày tháng	NT
8	Phương pháp	PP
9	Quyết định của Bộ Tài chính	QĐ-BTC
10	Số hiệu	SH
11	Tài khoản	TK
12	Thu nhập doanh nghiệp	TNDN
13	Thông tư của Bộ Tài chính	TT-BTC
14	Việt Nam đồng	VND
15	Sản xuất kinh doanh	SXKD

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển nhất định phải có phương án sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế. Một quy luật tất yếu trong nền kinh tế thị trường là cạnh tranh, doanh nghiệp phải tìm mọi biện pháp để đứng vững và phát triển trên thương trường, đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng với sản phẩm chất lượng cao và giá cả phải chăng nhằm hướng tới mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận. Mà tài sản cố định (TSCĐ) lại là bộ phận không kém phần quan trọng trong chu trình sản xuất tạo ra sản phẩm đó. Chính khát vọng lợi nhuận đã tạo động lực thúc đẩy doanh nghiệp không những thường xuyên đổi mới hiện đại hoá TSCĐ mà còn phải có biện pháp quản lý và sử dụng chúng sao cho hợp lý để có thể đáp ứng tốt nhất yêu cầu đặt ra.

Xuất phát từ yêu cầu thực tế hoạt động cũng như nhận thức được tầm quan trọng của TSCĐ trong doanh nghiệp, do đó em chọn đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung” làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, bài khóa luận của em gồm 3 chương:

**Chương 1:** Lí luận chung về công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp theo quyết định 48/2006/BTC

**Chương 2:** Thực trạng công tác kế toán TSCĐ tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung.

**Chương 3:** Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung.

Trong thời gian thực hiện khóa luận em đã nhận được sự hướng dẫn nhiệt tình của Ban giám đốc, các chị trong phòng kế toán của Công ty và cô giáo hướng dẫn. Vì trình độ còn hạn chế và thời gian có hạn nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2017

Sinh viên

Đỗ Thị Hồng Vân



## **CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP THEO QUYẾT ĐỊNH 48/2006/BTC**

### **1.1. Những vấn đề chung về tài sản cố định (TSCĐ) trong doanh nghiệp**

#### **1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của TSCĐ**

##### **\*Khái niệm**

Tài sản cố định là những tư liệu sản xuất chuyên dùng trong sản xuất kinh doanh, có giá trị lớn và dùng được vào nhiều chu kỳ sản xuất.

Theo Điều 3 của TT 45/2013/TC – BTC thì tiêu chuẩn và nhận biết TSCĐ như sau:

- a) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó
- b) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở nên
- c) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trở lên.

##### **\*Đặc điểm**

Khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, TSCĐ có những đặc điểm:

- Tham gia trực tiếp, gián tiếp vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh.
- Tài sản cố định hữu hình khi tham gia vào sản xuất kinh doanh, mặc dù bị hao mòn về giá trị song vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu cho đến khi hư hỏng phải loại bỏ.
- Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, tài sản cố định bị hao mòn dần và giá trị của chúng được chuyển dịch từng phần vào giá thành của sản phẩm làm ra dưới hình thức khấu hao.

#### **1.1.2. Vai trò của TSCĐ**

TSCĐ là một bộ phận của tư liệu sản xuất, giữ vai trò tư liệu lao động chủ yếu của quá trình sản xuất. Chúng được coi là cơ sở vật chất kỹ thuật có vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, là điều kiện tăng năng suất lao động xã hội và phát triển nền kinh tế quốc dân. Từ góc độ vi mô, máy móc thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất chính là yếu tố để xác định quy mô và năng lực sản xuất của doanh nghiệp. Từ góc độ vĩ mô, đánh giá về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật của toàn bộ nền kinh tế quốc dân có thực lực vững mạnh hay không?

#### **1.1.3. Phân loại TSCĐ**

Để các doanh nghiệp có sự thuận tiện trong công tác quản lý và hạch toán TSCĐ thì cần thiết phải phân loại TSCĐ. Vì lí do đó TSCĐ được phân loại theo các hình thức sau:

### 1.1.3.1. Phân loại theo hình thái biểu hiện

Theo tiêu thức phân loại này, TSCĐ của doanh nghiệp được chia thành 2 loại:

- ❖ **TSCĐ hữu hình:** là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất thỏa mãn các tiêu chuẩn của TSCĐ hữu hình tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu như:
  - ✓ Nhà cửa, vật kiến trúc: là TSCĐ của doanh nghiệp được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như trụ sở làm việc, nhà kho, hàng rào, tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí cho nhà cửa, đường xá, cầu cống...
  - ✓ Máy móc, thiết bị: là toàn bộ các loại máy móc, thiết bị dùng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy móc chuyên dùng, thiết bị công tác, giàn khoan trong lĩnh vực dầu khí, cần cẩu, dây chuyền công nghệ, những máy móc đơn lẻ.
  - ✓ Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn: Là các phương tiện vận tải gồm phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy, đường bộ, đường không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn như hệ thống thông tin, hệ thống điện, đường ống nước, băng tải.
  - ✓ Thiết bị, dụng cụ quản lý: là những thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy vi tính phục vụ quản lý, thiết bị điện tử, thiết bị, dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng.
  - ✓ Vườn cây lâu năm, gia súc làm việc hoặc cho sản phẩm: là các vườn cây lâu năm, súc vật làm việc, cho sản phẩm như đàn trâu, bò...
  - ✓ Các loại TSCĐ khác: là toàn bộ các TSCĐ khác chưa liệt kê vào năm loại trên như tranh ảnh, tác phẩm nghệ thuật.
- ❖ **TSCĐ vô hình:** là những TSCĐ không có hình thái vật chất, thể hiện 1 lượng giá trị đã được đầu tư có liên quan trực tiếp đến nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đầu tư và phát triển, bằng sáng chế phát minh, nhãn hiệu thương mại...
- ❖ **TSCĐ thuê tài chính:** là những TSCĐ mà doanh nghiệp thuê của công ty cho thuê tài chính. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê có quyền lựa chọn mua lại tài sản thuê, hoặc tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thỏa thuận trong hợp đồng thuê tài chính. Tổng số tiền thuê một loại tài sản quy định

tại hợp đồng thuê tài chính ít nhất phải tương đương với giá trị của tài sản đó tại thời điểm kí hợp đồng.

Cách phân loại này giúp cho người quản lý thấy được cơ cấu đầu tư của doanh nghiệp vào TSCĐ hữu hình và vô hình, từ đó lựa chọn các quyết định đầu tư đúng đắn hoặc điều chỉnh cơ cấu đầu tư sao cho phù hợp và có hiệu quả nhất.

#### 1.1.3.2. Phân loại theo công dụng kinh tế

Theo tiêu thức phân loại này, TSCĐ của doanh nghiệp được chia thành 2 loại:

- **TSCĐ dùng trong sản xuất kinh doanh:** là những TSCĐ hữu hình và vô hình trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bao gồm: nhà cửa, vật kiến trúc, thiết bị truyền dẫn, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải; những TSCĐ không có hình thái vật chất khác...
- **TSCĐ dùng ngoài sản xuất kinh doanh:** là những TSCĐ dùng cho phúc lợi công cộng, không mang tính chất sản xuất kinh doanh. Bao gồm: nhà cửa, phương tiện dùng cho sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao, nhà ở và các công trình phúc lợi tập thể...

Cách phân loại này giúp cho người quản lý thấy rõ kết cấu TSCĐ và vai trò, tác dụng của TSCĐ trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, sử dụng TSCĐ và tính toán khấu hao chính xác.

#### 1.1.3.3. Phân loại theo tình hình sử dụng

Theo tiêu thức phân loại này, TSCĐ của doanh nghiệp được chia thành 3 loại:

- **TSCĐ đang sử dụng** là những TSCĐ đang sử dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh hay các hoạt động khác của doanh nghiệp như hoạt động phúc lợi, sự nghiệp, an ninh quốc phòng.
- **TSCĐ chưa cần dùng** là những TSCĐ cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh hay các hoạt động khác của doanh nghiệp, song hiện tại chưa cần dùng, đang được dự trữ để sử dụng sau này.
- **TSCĐ không cần dùng và chờ thanh lý** là những TSCĐ không cần thiết hay không phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cần được thanh lý, nhượng bán để thu hồi vốn đầu tư đã bỏ ra ban đầu.

Cách phân loại này giúp cho người quản lý thấy mức độ sử dụng có hiệu quả các TSCĐ của doanh nghiệp như thế nào, từ đó có biện pháp nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng của chúng.

**1.1.3.4. Phân loại theo mục đích sử dụng**

Theo tiêu thức phân loại này, TSCĐ của doanh nghiệp được chia thành 3 loại sau đây:

- **TSCĐ dùng cho mục đích kinh doanh:** là những TSCĐ vô hình hay TSCĐ hữu hình trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gồm: quyền sử dụng đất, chi phí thành lập doanh nghiệp, vị trí cửa hàng, nhãn hiệu sản phẩm,... nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn, thiết bị, dụng cụ quản lý, vườn cây lâu năm, súc vật làm việc và (hoặc) cho sản phẩm, các loại TSCĐ khác chưa liệt kê vào 5 loại trên như tranh ảnh, tác phẩm nghệ thuật...
- **TSCĐ dùng cho mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh, quốc phòng.**
- **TSCĐ bảo quản hộ, cất giữ cho nhà nước, cho các doanh nghiệp khác.**

Cách phân loại này giúp cho người quản lý thấy được cơ cấu TSCĐ theo mục đích sử dụng của nó, từ đó có biện pháp quản lý TSCĐ theo mục đích sử dụng sao cho có hiệu quả nhất.

**1.1.4. Đánh giá tài sản cố định**

Xuất phát từ đặc điểm và yêu cầu quản lý TSCĐ trong quá trình sử dụng TSCĐ được đánh giá theo nguyên giá và giá trị còn lại. Do vậy việc ghi sổ phải đảm bảo phản ánh được tất cả 3 chỉ tiêu về giá trị của TSCĐ là: Nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại.

**1.1.4.1. Đánh giá TSCĐ theo nguyên giá:**

Nguyên giá TSCĐ là toàn bộ các chi phí bình thường và hợp lý mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có tài sản đó và đưa TSCĐ đó vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

**a) Nguyên giá TSCĐ hữu hình**

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm (kể cả mua mới và cũ)

$$\begin{matrix} \text{Nguyên giá} \\ \text{TSCĐ} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Giá} \\ \text{mua} \\ \text{thực tế} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Các khoản thuế (không bao} \\ \text{gồm các khoản thuế được} \\ \text{hoàn lại)} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Các chi phí} \\ \text{liên quan trực} \\ \text{tiếp} \end{matrix}$$

Trong đó các chi phí liên quan trực tiếp bao gồm lãi tiền vay phát sinh trong quá trình đầu tư mua sắm tài sản cố định, chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí nâng cấp, chi phí lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Lãi tiền vay trong trường hợp này được tính vào nguyên giá TSCĐ là những khoản lãi phát sinh đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Lãi tiền vay phát sinh sau khi đã đưa TSCĐ vào sử dụng thì được tính vào chi phí hoạt động tài chính.

+ *Nếu TSCĐ hữu hình mua trả chậm, trả góp*

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Nguyên} & & \text{Giá mua trả} & & \text{Các khoản thuế (không} & & \text{Các chi phí} \\ \text{giá} & = & \text{tiền ngay tại} & + & \text{bao gồm các khoản thuế} & + & \text{liên quan} \\ \text{TSCĐ} & & \text{thời điểm mua} & & \text{được hoàn lại)} & & \text{trực tiếp} \end{array}$$

Trong đó các chi phí liên quan trực tiếp bao gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có).

Lãi trả chậm, trả góp không được tính vào nguyên giá của TSCĐ.

+ *Nếu TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất*

Giá trị quyền sử dụng đất phải xác định riêng và ghi nhận là TSCĐ vô hình nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định của Thông tư 45/2013/TT-BTC .

TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Nguyên giá} & = & \text{Giá mua thực tế} & + & \text{các khoản chi phí} \\ \text{TSCĐ} & & \text{phải trả} & & \text{liên quan trực tiếp} \end{array}$$

- *TSCĐ hữu hình mua theo hình thức trao đổi:*

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Nguyên} & & \text{Giá trị} & & \text{Các khoản thuế} & & \text{Các chi phí} \\ \text{giá TSCĐ} & = & \text{hợp lý} & + & \text{(không bao gồm} & + & \text{liên quan trực} \\ & & \text{của} & & \text{các khoản thuế} & & \text{tiếp} \\ & & \text{TSCĐ} & & \text{được hoàn lại)} & & \end{array}$$

Trong đó nguyên giá TSCĐ mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về)

Các chi phí liên quan trực tiếp như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có).

Nguyên giá TSCĐ mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đem trao đổi.

- *Tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự sản xuất:*

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình khi đưa vào sử dụng. Trường hợp TSCĐ đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Nguyên giá} & & \text{Giá thành thực tế của} & & \text{Các chi phí liên} \\ \text{TSCĐ} & = & \text{TSCĐ hữu hình} & + & \text{quan trực tiếp} \end{array}$$

Trong đó các chi phí liên quan trực tiếp bao gồm chi phí lắp đặt chạy thử, các chi phí khác trực tiếp (trừ các khoản lãi nội bộ, giá trị sản phẩm thu hồi được trong quá trình chạy thử, sản xuất thử, các chi phí không hợp lý như vật liệu lãng phí, lao động hoặc các khoản chi phí khác vượt quá định mức quy định trong xây dựng hoặc sản xuất).

- *Tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu, được tặng, do phát hiện thừa:*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu, được tặng, do phát hiện thừa là giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận hoặc tổ chức định giá chuyên nghiệp.

- *Tài sản cố định hữu hình được cấp; được điều chuyển đến:*

$$\begin{array}{rcccl} \text{Nguyên giá} & & \text{Giá trị còn lại của} & & \text{Các chi phí liên} \\ \text{TSCĐ hữu hình} & = & \text{TSCĐ} & + & \text{quan trực tiếp} \end{array}$$

Trong đó giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ kế toán ở đơn vị cấp, đơn vị điều chuyển hoặc giá trị theo đánh giá thực tế của tổ chức định giá chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật.

Các chi phí liên quan trực tiếp mà bên nhận tài sản phải chi ra như chi phí thuê tổ chức định giá; chi phí nâng cấp, lắp đặt, chạy thử...

- *Tài sản cố định hữu hình nhận góp vốn, nhận lại vốn góp:*

TSCĐ nhận góp vốn, nhận lại vốn góp là giá trị do các thành viên, cổ đông sáng lập định giá nhất trí; hoặc doanh nghiệp và người góp vốn thoả thuận; hoặc do tổ chức chuyên nghiệp định giá theo quy định của pháp luật và được các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận.



**b) Nguyên giá TSCĐ vô hình**

- *Tài sản cố định vô hình mua sắm:*

$$\begin{matrix} \text{Nguyên giá} & & \text{Giá mua} & & \text{Các khoản thuế (không} & & \text{Các chi phí} \\ \text{TSCĐ vô hình} & = & \text{thực tế phải} & + & \text{bao gồm các khoản thuế} & + & \text{liên quan} \\ \text{mua sắm} & & \text{trả} & & \text{được hoàn lại)} & & \text{trực tiếp} \end{matrix}$$

Trường hợp TSCĐ vô hình mua sắm theo hình thức trả chậm, trả góp, nguyên giá TSCĐ là giá mua tài sản theo phương thức trả tiền ngay tại thời điểm mua (không bao gồm lãi trả chậm).

- *Tài sản cố định vô hình mua theo hình thức trao đổi:*

$$\begin{matrix} \text{Nguyên giá} & & \text{Giá trị hợp} & & \text{Các khoản thuế (không} & & \text{Các chi phí} \\ \text{TSCĐ vô} & = & \text{lý của} & + & \text{bao gồm các khoản thuế} & + & \text{liên quan} \\ \text{hình} & & \text{TSCĐ} & & \text{được hoàn lại)} & & \text{trực tiếp} \end{matrix}$$

Trong đó Nguyên giá TSCĐ vô hình mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của TSCĐ vô hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về)

Các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính. Nguyên giá TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đem trao đổi.

- *Tài sản cố định vô hình được cấp, được biếu, được tặng, được điều chuyển đến:*

$$\begin{matrix} \text{Nguyên giá} & & \text{Giá trị hợp lý} & & \text{Các chi phí liên} \\ \text{TSCĐ vô hình} & = & \text{ban đầu} & + & \text{quan trực tiếp} \end{matrix}$$

Trong đó các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến việc đưa tài sản vào sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ được điều chuyển đến là nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp có tài sản điều chuyển. Doanh nghiệp tiếp nhận tài sản điều chuyển có trách nhiệm hạch toán nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại của tài sản theo quy định.

- *Tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp:*

Riêng các chi phí phát sinh trong nội bộ để doanh nghiệp có nhãn hiệu hàng hoá, quyền phát hành, danh sách khách hàng, chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu và các khoản mục tương tự không đáp ứng được tiêu chuẩn và nhận biết TSCĐ vô hình được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

- *TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất:*

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn). Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là năm năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên giá} \\ \text{TSCĐ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Khoản tiền chi ra để có quyền} \\ \text{sử dụng đất hợp pháp} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các chi phí liên} \\ \text{quan trực tiếp} \end{array}$$

Trong đó các chi phí bao gồm chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

- *Quyền sử dụng đất không ghi nhận là TSCĐ vô hình gồm:*

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất.

Thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê (thời gian thuê đất sau ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thì tiền thuê đất được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm thuê đất.

Thuê đất trả tiền thuê hàng năm thì tiền thuê đất được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ tương ứng số tiền thuê đất trả hàng năm.

Đối với các loại tài sản là nhà, đất đai để bán, để kinh doanh của công ty kinh doanh bất động sản thì doanh nghiệp không được hạch toán là TSCĐ và không được trích khấu hao.

- *Nguyên giá của TSCĐ vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ:*



Là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra để có được quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

- Nguyên giá TSCĐ là các chương trình phần mềm:

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

**c) Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính:**

$$\begin{array}{rcccl} \text{Nguyên giá TSCĐ} & = & \text{Giá trị của} & + & \text{Các chi phí trực} \\ \text{thuê tài chính} & & \text{tài sản thuê} & & \text{tiếp phát sinh} \end{array}$$

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính phản ánh ở đơn vị thuê là giá trị của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản cộng (+) với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

#### 1.1.4.2. Giá trị còn lại của TSCĐ

Giá trị còn lại (còn gọi là giá trị kế toán) của TSCĐ là hiệu số giữa nguyên giá TSCĐ và số khấu hao lũy kế.

$$\text{Giá trị còn lại} = \text{Nguyên giá} - \text{Giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ}$$

Chỉ tiêu giá trị còn lại của TSCĐ cho phép doanh nghiệp xác định số vốn đầu tư chưa thu hồi và thông qua đó đánh giá được thực trạng về TSCĐ của đơn vị, nhờ đó ra quyết định đầu tư bổ sung, sửa chữa, đổi mới TSCĐ.

#### 1.1.5. Nhiệm vụ của kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp

- Tổ chức kế toán ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu một cách đầy đủ, kịp thời về số lượng, hiện trạng và giá trị tài sản cố định hiện có, tình hình tăng, giảm và di chuyển tài sản cố định, kiểm tra việc bảo quản, bảo dưỡng và sử dụng tài sản cố định.
- Kế toán tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao tài sản cố định vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của tài sản cố định và chế độ qui định.
- Tham gia lập dự toán sửa chữa lớn tài sản cố định, giám sát việc sửa chữa tài sản cố định.

- Kế toán hướng dẫn, kiểm tra các phân xưởng, phòng, ban thực hiện đầy đủ các chứng từ ghi chép ban đầu về tài sản cố định, mở các sổ sách cần thiết và hạch toán tài sản cố định đúng chế độ, đúng phương pháp.
- Kế toán tham gia kiểm kê và đánh giá lại tài sản cố định theo quy định của nhà nước, lập các báo cáo về tài sản cố định của doanh nghiệp; tiến hành phân tích tình hình tăng, giảm, hao mòn và sử dụng tài sản cố định nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của tài sản cố định.

## **1.2. Tổ chức kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp theo QĐ 48/2006/BTC**

### **1.2.1. Kế toán chi tiết TSCĐ**

TSCĐ được sử dụng và bảo quản ở các bộ phận khác nhau trong doanh nghiệp. Bởi vậy, kế toán chi tiết TSCĐ phải phản ánh và kiểm tra tình hình tăng, giảm, hao mòn TSCĐ của toàn doanh nghiệp và của từng nơi bảo quản, sử dụng theo từng đối tượng ghi TSCĐ.

#### **1.2.1.1. Kế toán chi tiết TSCĐ tại các nơi sử dụng, bảo quản TSCĐ**

Việc theo dõi TSCĐ theo nơi sử dụng nhằm gắn trách nhiệm bảo quản, sử dụng tài sản với từng bộ phận, từ đó nâng trách nhiệm và hiệu quả trong bảo quản sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp.

Tại các nơi sử dụng TSCĐ (phòng, ban, đội sản xuất, phân xưởng sản xuất...) sử dụng "Sổ TSCĐ theo đơn vị sử dụng" để theo dõi tình hình tăng, giảm TSCĐ do từng đơn vị quản lý, sử dụng. Mỗi đơn vị sử dụng phải mở một sổ riêng, trong đó ghi TSCĐ tăng, giảm của đơn vị mình theo từng chứng từ tăng, giảm TSCĐ, theo thứ tự thời gian phát sinh nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ (doanh nghiệp có thể sử dụng mẫu sổ này trong hệ thống kế toán doanh nghiệp).

#### **1.2.1.2. Kế toán chi tiết ở bộ phận kế toán doanh nghiệp**

Tại bộ phận kế toán doanh nghiệp, kế toán chi tiết TSCĐ sử dụng thẻ TSCĐ, sổ đăng ký thẻ TSCĐ, sổ TSCĐ toàn doanh nghiệp để theo dõi tình hình tăng, giảm, hao mòn TSCĐ.

a) **Thẻ TSCĐ (mẫu số S12 – DNN):** do kế toán TSCĐ lập cho từng đối tượng ghi TSCĐ của doanh nghiệp. Thẻ TSCĐ do kế toán TSCĐ lập, kế toán TSCĐ ký, soát xét và giám đốc ký. Thẻ TSCĐ được lưu ở phòng (ban) kế toán trong suốt quá trình sử dụng TSCĐ.

Căn cứ để lập thẻ TSCĐ:

- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ

- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Các tài liệu kỹ thuật có liên quan

Thẻ TSCĐ bao gồm 4 phần chính:

**Phần đầu:** Ghi các chỉ tiêu chung về TSCĐ như tên, ký, mã hiệu, qui cách (cấp hàng), số liệu TSCĐ, nước sản xuất...

**Phần 2:** Ghi các chỉ tiêu nguyên giá từ khi bắt đầu hình thành TSCĐ và nguyên giá thay đổi theo các thời kỳ do đánh giá lại, xây dựng, trang bị thêm hoặc tháo bớt bộ phận... và giá trị hao mòn đã trích qua các năm.

**Cột A, B, C,1:** Ghi số hiệu, ngày, tháng, năm của chứng từ, lý do hình thành nên nguyên giá và nguyên giá của TSCĐ ở thời điểm đó.

**Cột 2:** Ghi năm tính giá trị hao mòn của TSCĐ

**Cột 3:** Ghi giá trị hao mòn của TSCĐ từng năm

**Cột 4:** Ghi tổng giá trị hao mòn đã trích cộng dồn đến thời điểm vào thẻ. Đối với những TSCĐ không phải trích khấu hao nhưng phải tính hao mòn (TSCĐ dùng cho sự nghiệp, phúc lợi...) thì cũng tính và ghi giá trị hao mòn vào thẻ.

**Phần 3:** Ghi số phụ tùng, dụng cụ, đồ nghề kèm theo TSCĐ.

**Cột A, B, C:** Ghi số thứ tự, tên quy cách và đơn vị tính của dụng cụ, phụ tùng

**Cột 1, 2:** ghi số lượng và giá trị của từng loại dụng cụ, phụ tùng kèm theo TSCĐ

**Phần 4:** Ghi giảm TSCĐ, phản ánh số, ngày tháng của chứng từ giảm TSCĐ và lý do giảm TSCĐ.

b) **Sổ TSCĐ:** Mỗi loại TSCĐ (nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải...) được dùng riêng một sổ hoặc một số trang trong sổ để theo dõi tình hình tăng, giảm, khấu hao của các TSCĐ trong từng loại. Nếu một loại TSCĐ có nhiều nhóm thì nên chia sổ thành các phần để phản ánh các đối tượng ghi TSCĐ thuộc từng nhóm giúp cho việc sử dụng số liệu lập báo cáo định kỳ về TSCĐ được thuận tiện.

Căn cứ để ghi vào thẻ TSCĐ, sổ TSCĐ, số TSCĐ theo đơn vị sử dụng là các chứng từ về tăng, giảm, khấu hao TSCĐ và các chứng từ gốc có liên quan trong hướng dẫn về chứng từ kế toán - Hệ thống kế toán doanh nghiệp, đó là:

- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Biên bản thanh lý TSCĐ

- Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Các tài liệu kỹ thuật có liên quan (hồ sơ TSCĐ).

### **1.2.2. Kế toán tổng hợp TSCĐ theo QĐ 48/2006/BTC**

#### **1.2.2.1. Chứng từ sử dụng**

- |  |                    |
|--|--------------------|
| - Biên bản giao nhận TSCĐ                        | - Mẫu số 01 – TSCĐ |
| - Biên bản thanh lý TSCĐ                         | - Mẫu số 02 – TSCĐ |
| - Biên bản bàn giao TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành | - Mẫu số 03 – TSCĐ |
| - Biên bản đánh giá lại TSCĐ                     | - Mẫu số 04 – TSCĐ |
| - Biên bản kiểm kê TSCĐ                          | - Mẫu số 05 – TSCĐ |
| - Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ             | - Mẫu số 06 – TSCĐ |

#### **1.2.2.2. Tài khoản sử dụng**

a) **Tài khoản 211** - Tài sản cố định hữu hình có 3 tài khoản cấp 2:

**Tài khoản 2111:** Tài sản cố định hữu hình: dùng để phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm của TSCĐ hữu hình tại doanh nghiệp theo Nguyên giá (trừ TSCĐ thuê ngoài)

- Bên nợ: Các nghiệp vụ làm tăng TSCĐ hữu hình theo nguyên giá (do xây dựng cơ bản (XDCB) hoàn thành bàn giao, do mua sắm, do nhận vốn góp liên doanh, do được cấp, biếu tặng, tài trợ, do đánh giá lại...)
- Bên có: Các nghiệp vụ làm giảm TSCĐ hữu hình theo nguyên giá (do thanh lý, nhượng bán, đem góp vốn liên doanh...)
- Số dư bên nợ: Nguyên giá TSCĐ hiện có ở doanh nghiệp

**Tài khoản 2112:** Tài sản cố định thuê tài chính

- Bên nợ: Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính tăng lên
- Bên có: Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính giảm do hoàn trả hoặc mua lại
- Dư nợ: Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính hiện có

**Tài khoản 2113:** Tài sản cố định vô hình

- Bên nợ: Các nghiệp vụ làm tăng TSCĐ vô hình
- Bên có: Các nghiệp vụ làm giảm TSCĐ vô hình
- Dư nợ: Nguyên giá TSCĐ vô hình hiện có

b) **Tài khoản 214:** Hao mòn TSCĐ: dùng để phản ánh giá trị hao mòn

- Bên nợ: Phản ánh các TSCĐ làm giảm giá trị hao mòn (thanh lí, nhượng bán...)
- Bên có: Phản ánh các tài sản làm tăng giá trị hao mòn (trích khấu hao, đánh giá tăng...)

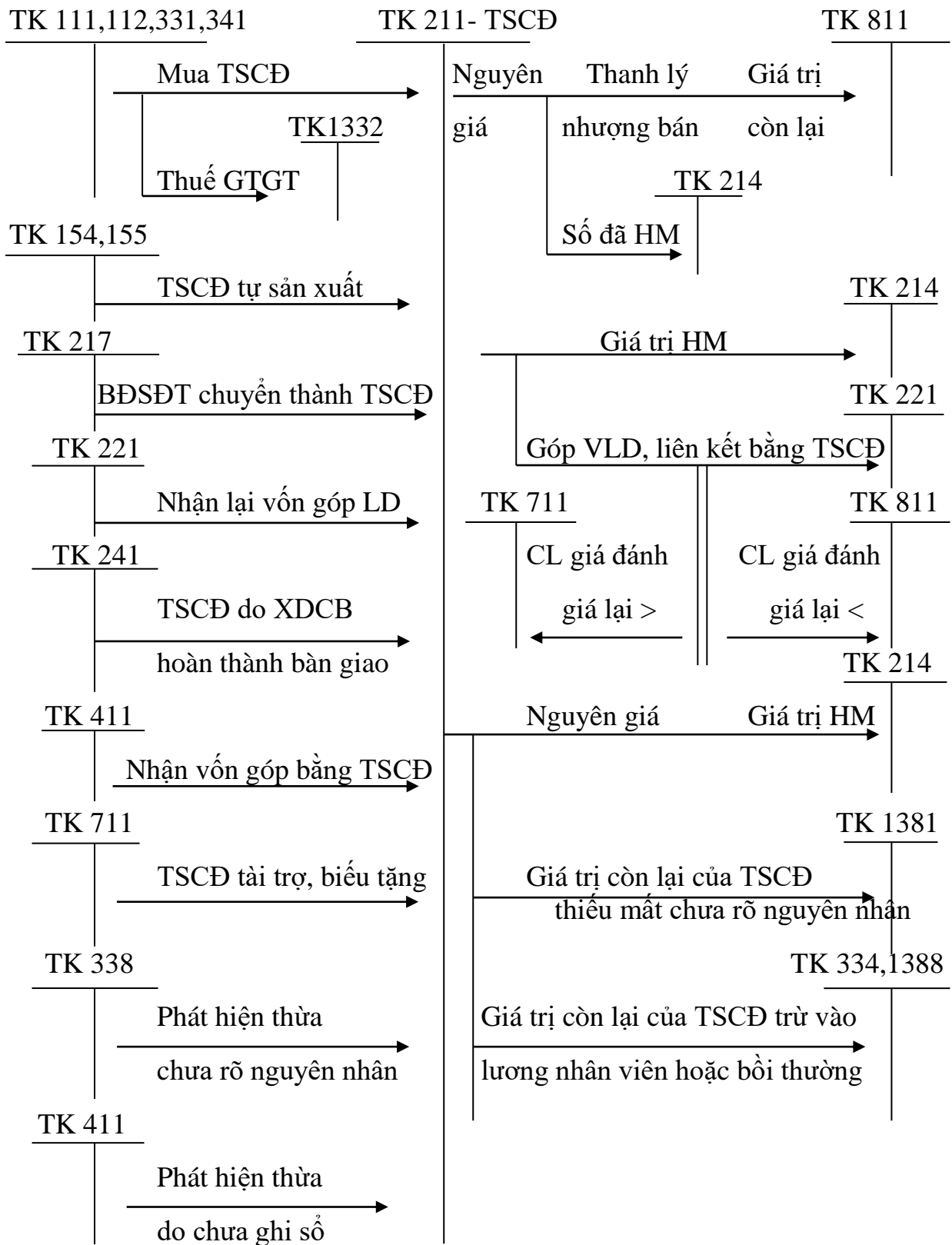
Tài khoản 214 –Hao mòn TSCĐ có 4 TK cấp 2:

- 2141: Hao mòn TSCĐ hữu hình
- 2142: Hao mòn TSCĐ thuê tài chính
- 2143: Hao mòn TSCĐ vô hình
- 2147: Hao mòn bất động sản đầu tư

Ngoài các tài khoản cơ bản trên kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan khác.

1.2.2.3. Kế toán tổng hợp TSCĐ

Trình tự hạch toán tăng giảm TSCĐ được thể hiện trên sơ đồ 1.1



Sơ đồ 1.1: Kế toán tăng giảm TSCĐ

### 1.2.3. Hao mòn và khấu hao TSCĐ

#### 1.2.3.1. Khái niệm

Trong quá trình sử dụng do nhiều nguyên nhân khác nhau TSCĐ của doanh nghiệp bị hao mòn. Hao mòn TSCĐ là sự giảm dần về giá trị sử dụng và giá trị của TSCĐ do tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, do bào mòn của tự nhiên, do tiến bộ kỹ thuật...trong quá trình hoạt động của TSCĐ.

Để thu hồi lại vốn đầu tư để tái tạo lại khi bị hư hỏng, doanh nghiệp phải tiến hành trích khấu hao bằng cách tính và phản ánh vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kì. Khấu hao TSCĐ là việc tính toán và phân bổ một cách có hệ thống nguyên giá của TSCĐ vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong thời gian trích khấu hao của TSCĐ.

TSCĐ bị hao mòn dưới 2 hình thức:

*Hao mòn hữu hình:* là sự hao mòn vật lý trong quá trình sử dụng do bị cọ sát, bị ăn mòn, bị hư hỏng từng bộ phận. Hao mòn hữu hình có thể diễn ra hai dạng dưới đây. Hao mòn dưới dạng kỹ thuật xảy ra trong quá trình sử dụng.

Hao mòn do tác động của thiên nhiên không phụ thuộc vào việc sử dụng. Do đó sự hao mòn hữu hình nên tài sản mất dần giá trị và giá trị sử dụng lúc ban đầu, cuối cùng phải thay thế bằng một tài sản khác.

*Hao mòn vô hình:* là sự giảm dần về giá trị tài sản cố định do tiến bộ của khoa học kỹ thuật, nhờ tiến bộ của khoa học kỹ thuật mà TSCĐ được sản xuất ra ngày càng có nhiều tính năng và năng suất cao hơn. Trong một nền kinh tế càng năng động, càng phát triển thì tốc độ hao mòn càng nhanh. Vì vậy, đòi hỏi trước hết của các doanh nghiệp Nhà nước phải có một chính sách hợp lý về quản lý và trích khấu hao, như thế mới đảm bảo cho doanh nghiệp có thể đạt hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh. Hao mòn TSCĐ là một phạm trù khách quan, muốn xác định giá trị hao mòn của TSCĐ nào đó thì cơ sở có tính khách quan nhất là thông qua giá cả thị trường. Tức là phải so sánh giá cả của TSCĐ cũ với TSCĐ mới cùng loại. Tuy nhiên, TSCĐ được đầu tư mua sắm là để sử dụng lâu dài cho quá trình sản xuất kinh doanh, do vậy các doanh nghiệp không thể xác định giá trị hao mòn TSCĐ theo phương pháp nói trên.



1.2.3.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ

a) Phương pháp khấu hao đường thẳng

Phương pháp khấu hao đường thẳng Là phương pháp tính khấu hao mà mức khấu hao hàng năm không thay đổi trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ.

Tài sản cố định trong doanh nghiệp được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng TSCĐ (năm)}}$$

Trong đó thời gian tính khấu hao:

Thời gian tính khấu hao phụ thuộc vào thời gian sử dụng TSCĐ. Có các cách xác định thời gian sử dụng TSCĐ như sau:

Đối với TSCĐ còn mới (chưa qua sử dụng), doanh nghiệp dựa vào khung thời gian trích khấu hao TSCĐ được quy định tại phụ lục 01 ban hành kèm thông tư 45/2013/TT-BTC để xác định thời gian trích khấu hao cho từng loại tài sản cố định cụ thể.

Đối với TSCĐ đã qua sử dụng, thời gian trích khấu hao của TSCĐ được xác định như sau:

$$\text{Thời gian trích khấu hao của TSCĐ} = \frac{\text{Giá hợp lý của TSCĐ}}{\text{Giá bán của TSCĐ mới tương đương trên thị trường}} \times \text{Thời gian trích khấu hao của TSCĐ mới cùng loại xác định theo phụ lục 1 của TT45/2013}$$

Trong đó: Giá trị hợp lý của TSCĐ là giá mua hoặc trao đổi thực tế (trong TH mua bán, trao đổi), giá trị còn lại của TSCĐ hoặc giá trị theo đánh giá của tổ chức có chức năng thẩm định giá (trong TH được cho, được biếu, được tặng, được cấp, được điều chuyển đến) và các trường hợp khác.

Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

Trường hợp thời gian sử dụng hay nguyên giá của tài sản cố định thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao trung bình của tài sản cố định bằng cách lấy giá trị còn lại trên sổ kế toán chia (:) cho thời gian sử dụng xác định lại hoặc thời gian sử dụng còn lại (được xác định là chênh lệch giữa thời gian sử dụng đã đăng ký trừ thời gian đã sử dụng) của tài sản cố định.



Mức trích khấu hao cho năm cuối cùng của thời gian sử dụng tài sản cố định được xác định là hiệu số giữa nguyên giá tài sản cố định và số khấu hao lũy kế đã thực hiện đến năm trước năm cuối cùng của tài sản cố định đó.

**b) Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh**

Xác định thời gian sử dụng của tài sản cố định:

Doanh nghiệp xác định thời gian sử dụng của tài sản cố định theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT – BTC của Bộ Tài Chính.

Xác định mức trích khấu hao năm của tài sản cố định trong các năm đầu theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ}}{\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh}} \times \text{Tỷ lệ khấu hao nhanh}$$

Trong đó:

Tỷ lệ khấu hao nhanh xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh (\%)} = \frac{\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng}}{\text{Hệ số điều chỉnh}} \times \text{Hệ số điều chỉnh}$$

Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng (\%)} = \frac{1}{\text{Thời gian sử dụng của TSCĐ}} \times 100$$

Hệ số điều chỉnh xác định theo thời gian sử dụng của tài sản cố định quy định tại bảng dưới đây:

Thời gian sử dụng của tài sản cố định	Hệ số điều chỉnh(lần)
Đến 4 năm ( t < 4 năm)	1,5
Trên 4 đến 6 năm (4 năm < t < 6 năm)	2,0
Trên 6 năm (t > 6 năm)	2,5

Những năm cuối, khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần nói trên bằng (hoặc thấp hơn) mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của tài sản cố định, thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định chia cho số năm sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Mức trích khấu hao hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

**c) Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm**

Được áp dụng để tính khấu hao các loại máy móc, thiết bị thoả mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Trực tiếp liên quan đến việc sản xuất sản phẩm.
- Xác định được tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của TSCĐ.
- Công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 100% công suất thiết kế.

Cách xác định mức trích khấu hao trong tháng của TSCĐ:

$$\begin{matrix} \text{Mức trích khấu} & & \text{Số lượng sản} & & \text{Mức trích khấu hao bình} \\ \text{hao trong tháng} & = & \text{phẩm sản xuất} & \times & \text{quân tính cho một đơn vị} \\ \text{của TSCĐ} & & \text{trong tháng} & & \text{sản phẩm} \end{matrix}$$

Trong đó:

$$\begin{matrix} \text{Mức trích khấu hao bình quân} & & & & \text{Nguyên giá của TSCĐ} \\ \text{tính cho một đơn vị sản phẩm} & = & & & \text{Công suất thiết kế} \end{matrix}$$

Mức trích khấu hao năm của TSCĐ bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm, hoặc tính theo công thức sau:

$$\begin{matrix} \text{Mức trích} & & \text{Số lượng sản} & & \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{khấu hao năm} & = & \text{phẩm sản xuất} & \times & \text{bình quân tính cho} \\ \text{của TSCĐ} & & \text{trong năm} & & \text{một đơn vị sản phẩm} \end{matrix}$$

Trường hợp công suất thiết kế hoặc nguyên giá của TSCĐ thay đổi, DN phải xác định lại mức trích khấu hao của TSCĐ.

**1.2.3.3. Tổ chức kế toán khấu hao TSCĐ**

**a) Chứng từ sử dụng**

Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ) dùng để phản ánh số khấu hao TSCĐ phải trích và phân bổ số khấu hao đó cho các đối tượng sử dụng TSCĐ hàng tháng.

**b) Tài khoản sử dụng**

TK 214 – Hao mòn TSCĐ, tài khoản này dùng để phản ánh tình hình tăng, giảm giá trị hao mòn và giá trị hao mòn lũy kế của các loại TSCĐ và bất động sản (BDS) đầu tư trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ, BDS đầu tư và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ, BDS đầu tư.

**Bên Nợ:** Giá trị hao mòn TSCĐ, BĐS đầu tư giảm do TSCĐ, BĐS đầu tư thanh lý, nhượng bán, điều động cho đơn vị khác, góp vốn liên doanh.

**Bên Có:** Giá trị hao mòn TSCĐ, BĐS đầu tư tăng do trích khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư.

**Số Dư:** Giá trị hao mòn của tài sản hiện có

Tài khoản 214 - Hao mòn TSCĐ, có 4 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 2141 - Hao mòn TSCĐ hữu hình: Phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ hữu hình trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ hữu hình.

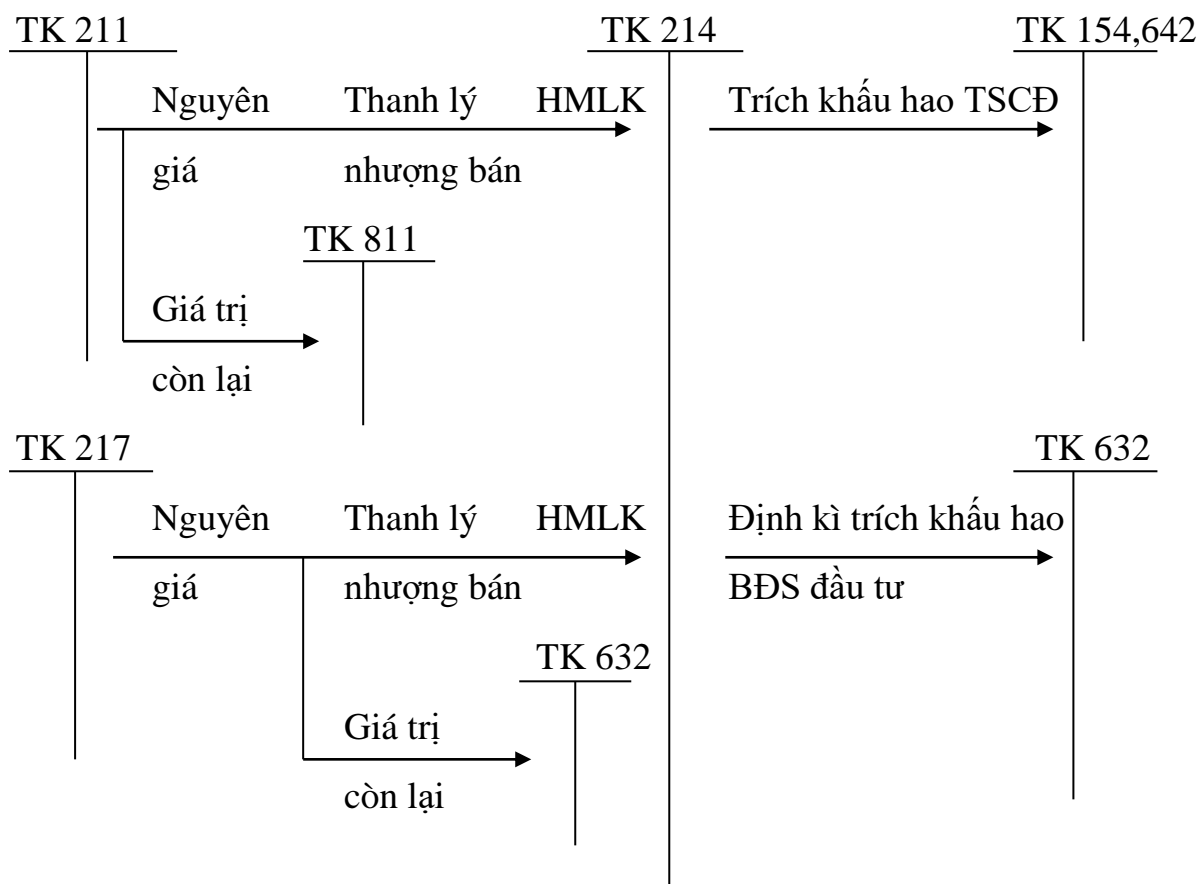
Tài khoản 2142 - Hao mòn TSCĐ thuê tài chính: Phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ thuê tài chính trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ thuê tài chính và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ thuê tài chính.

Tài khoản 2143 - Hao mòn TSCĐ vô hình: Phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ vô hình trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ vô hình và những khoản làm tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ vô hình .

Tài khoản 2147 - Hao mòn BĐS đầu tư: Tài khoản này phản ánh giá trị hao mòn BĐS đầu tư trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, cho thuê hoạt động các BĐS đầu tư của doanh nghiệp.

**c) Phương pháp hạch toán khấu hao TSCĐ**

Trình tự hạch toán khấu hao TSCĐ được thể hiện trên sơ đồ 1.2



Sơ đồ 1.2: Kế toán hao mòn TSCĐ

**1.2.4. Kế toán sửa chữa TSCĐ**

TSCĐ được cấu thành bởi nhiều bộ phận và chi tiết khác nhau. Trong quá trình sử dụng, TSCĐ bị hao mòn và hư hỏng cần phải sửa chữa, thay thế để khôi phục năng lực hoạt động. Công việc sửa chữa có thể do doanh nghiệp tự làm hoặc thuê ngoài và được tiến hành theo kế hoạch hay ngoài kế hoạch. Tùy theo quy mô, tính chất của công việc sửa chữa, kế toán sẽ phản ánh vào các tài khoản thích hợp.

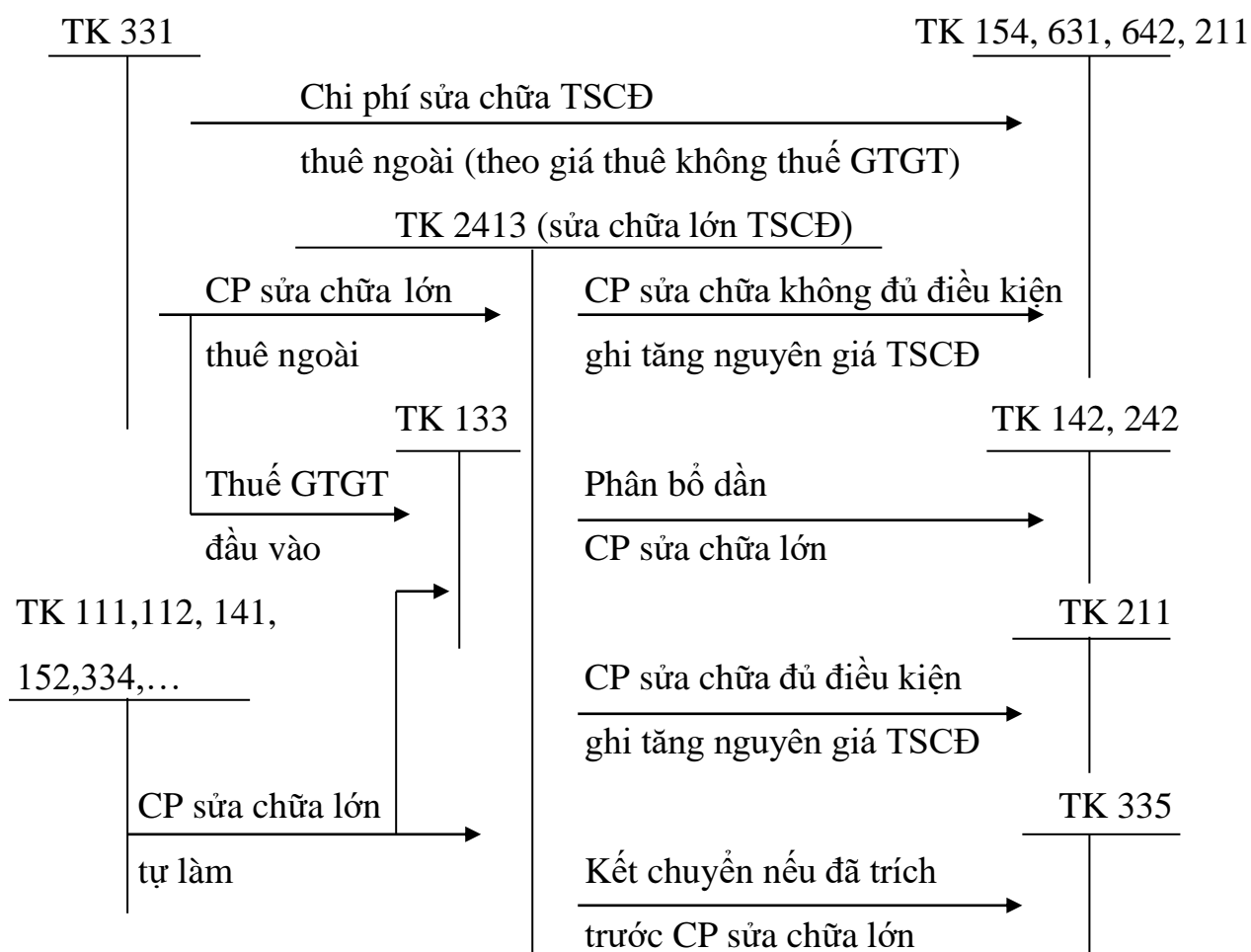
Sửa chữa TSCĐ được chia thành:

**Sửa chữa thường xuyên TSCĐ:** Sửa chữa thường xuyên TSCĐ mang tính chất bảo dưỡng TSCĐ nhằm để thay thế một số bộ phận chi tiết hay bảo dưỡng với mục đích duy trì hoạt động bình thường của TSCĐ. Xét về quy mô thì tính chất sửa chữa đơn giản, không cần phải ngừng hoạt động sản xuất và chi phí ít. Do đó khi phát sinh chi phí thì được ghi trực tiếp vào chi phí SXKD của từng bộ phận có TSCĐ sửa chữa thường xuyên.

**Sửa chữa lớn TSCĐ:** Sửa chữa lớn TSCĐ là việc sửa chữa, thay thế những bộ phận, chi tiết bị hư hỏng trong quá trình sử dụng. Chi phí để sửa chữa lớn khá cao, thời gian sửa chữa thường kéo dài, công việc sửa chữa có thể tiến hành theo kế hoạch hoặc ngoài kế hoạch. Chi phí sửa chữa lớn không thể tính hết một lần vào chi phí của đối tượng mà phải phân bổ thích hợp. Toàn bộ chi phí sửa chữa được tập hợp riêng theo từng công trình, sau khi hoàn thành được coi như một khoản chi phí theo dự toán và được đưa vào chi phí phải trả (nếu sửa chữa theo kế hoạch) hay CP trả trước dài hạn (nếu sửa chữa ngoài kế hoạch).

Nếu TSCĐ thỏa mãn các điều kiện được ghi tăng nguyên giá TSCĐ hữu hình theo quy định của chuẩn mực kế toán thì có thể đưa từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi tăng nguyên giá TSCĐ.

Trình tự hạch toán sửa chữa TSCĐ được thể hiện trên sơ đồ 1.3



Sơ đồ 1.3: Kế toán sửa chữa TSCĐ

### 1.3. Các hình thức ghi sổ kế toán TSCĐ

#### 1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

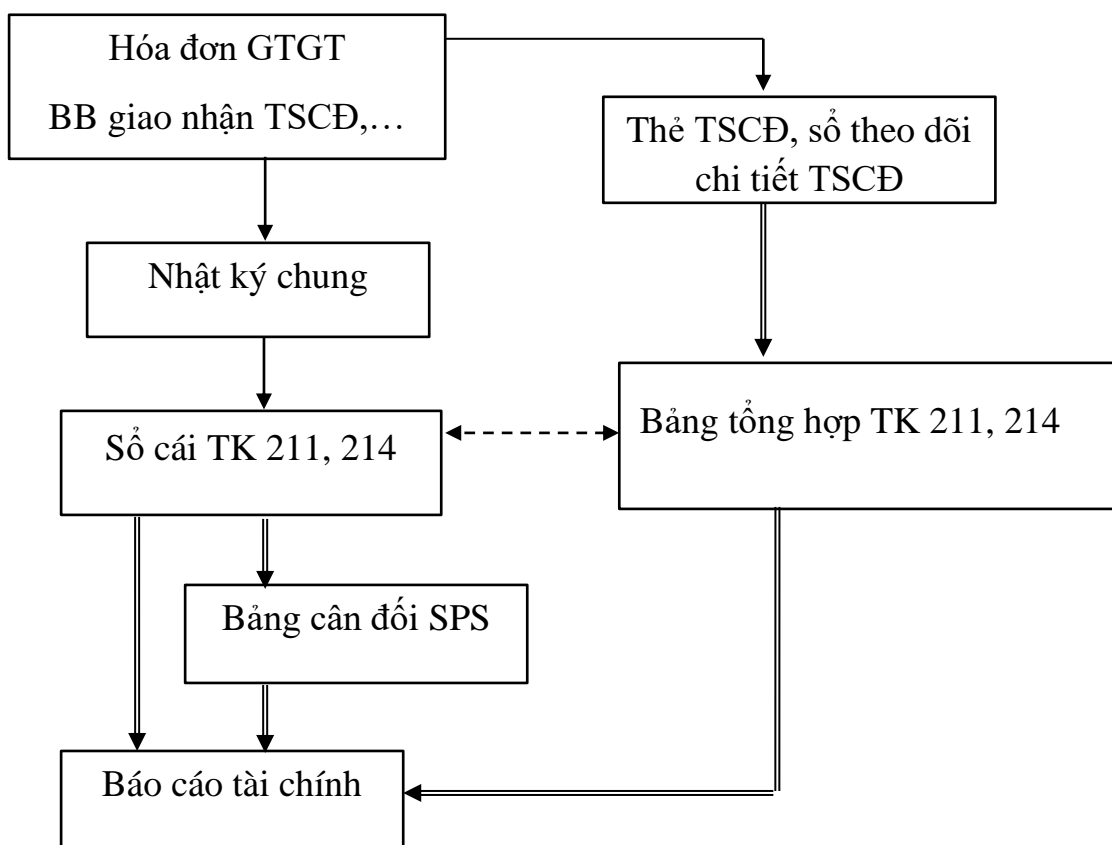
##### a) Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó, lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 211, 214
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết TK 211, 214

##### b) Trình tự ghi sổ kế toán



Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————>

Ghi cuối tháng, định kì ══════════>

Đối chiếu, kiểm tra ←----->

**1.3.2. Hình thức Nhật kí – Sổ cái**

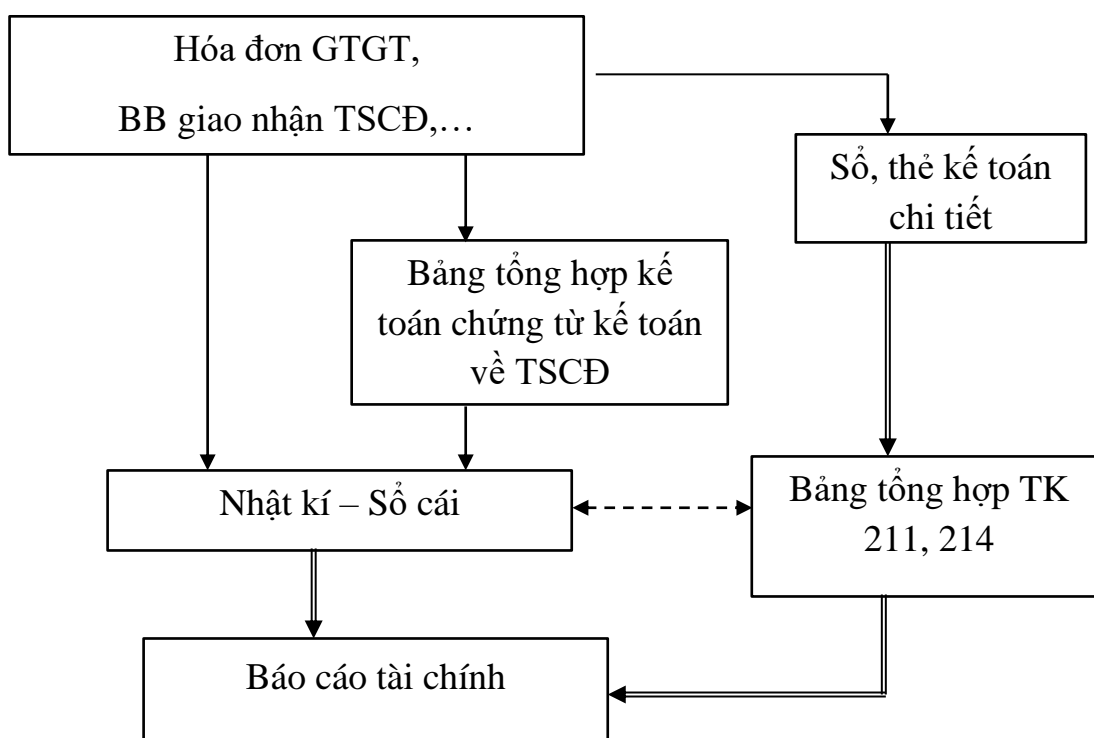
*a) Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật kí – Sổ cái*

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật kí – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật kí – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật kí – Sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật kí – Sổ cái
- Các sổ thẻ, kế toán chi tiết TK 211, 214

*b) Trình tự ghi sổ kế toán*



*Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật kí – Sổ cái*

Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————>

Ghi cuối tháng, định kì ══════════>

Đối chiếu, kiểm tra ←----->

### ***1.3.3. Hình thức chứng từ ghi sổ***

#### ***a) Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ***

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ” (CTGS).

Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng kí chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

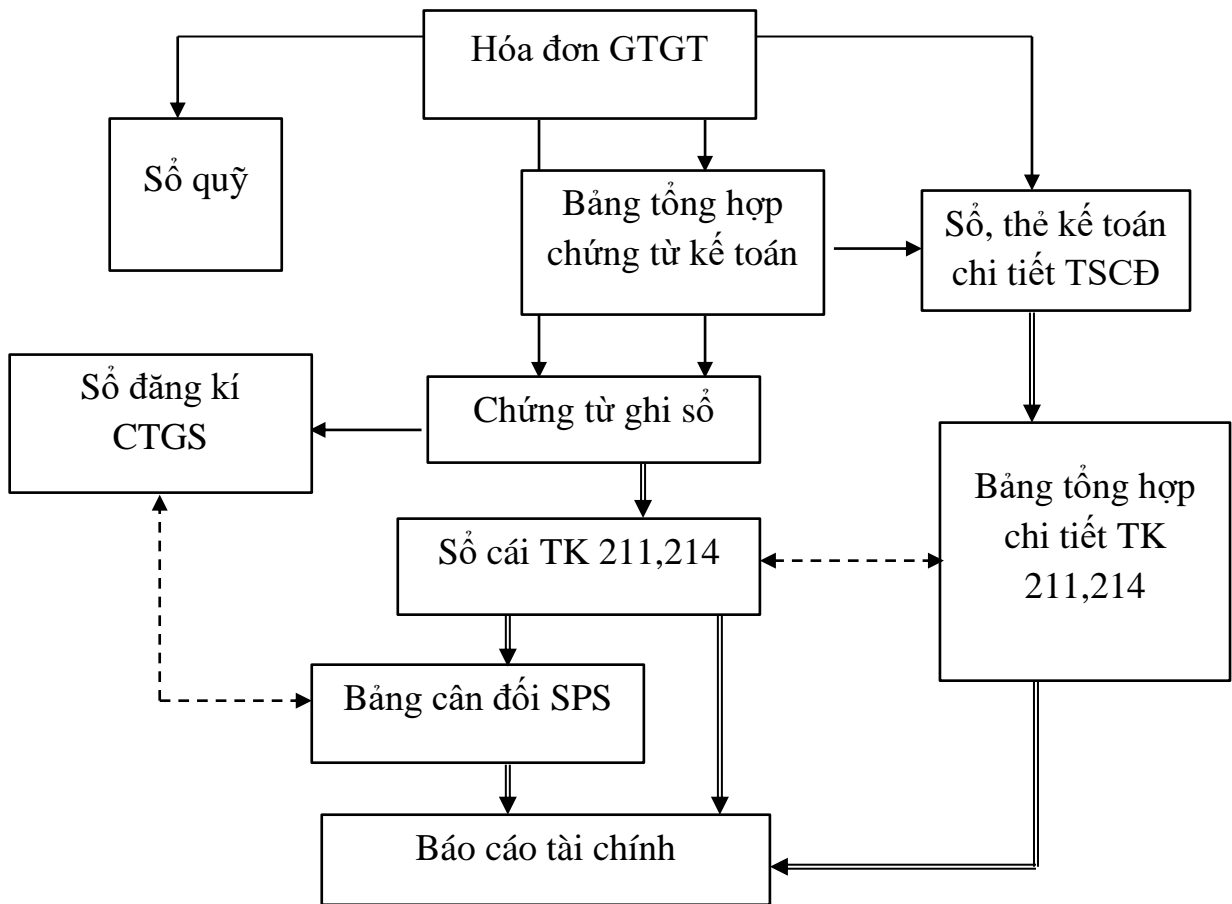
CTGS do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. CTGS được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng kí CTGS) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 211, 214
- Các sổ, thẻ TSCĐ

#### ***b) Trình tự ghi sổ kế toán***





Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, định kì  $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

### 1.3.4. Hình thức Nhật ký – Chứng từ

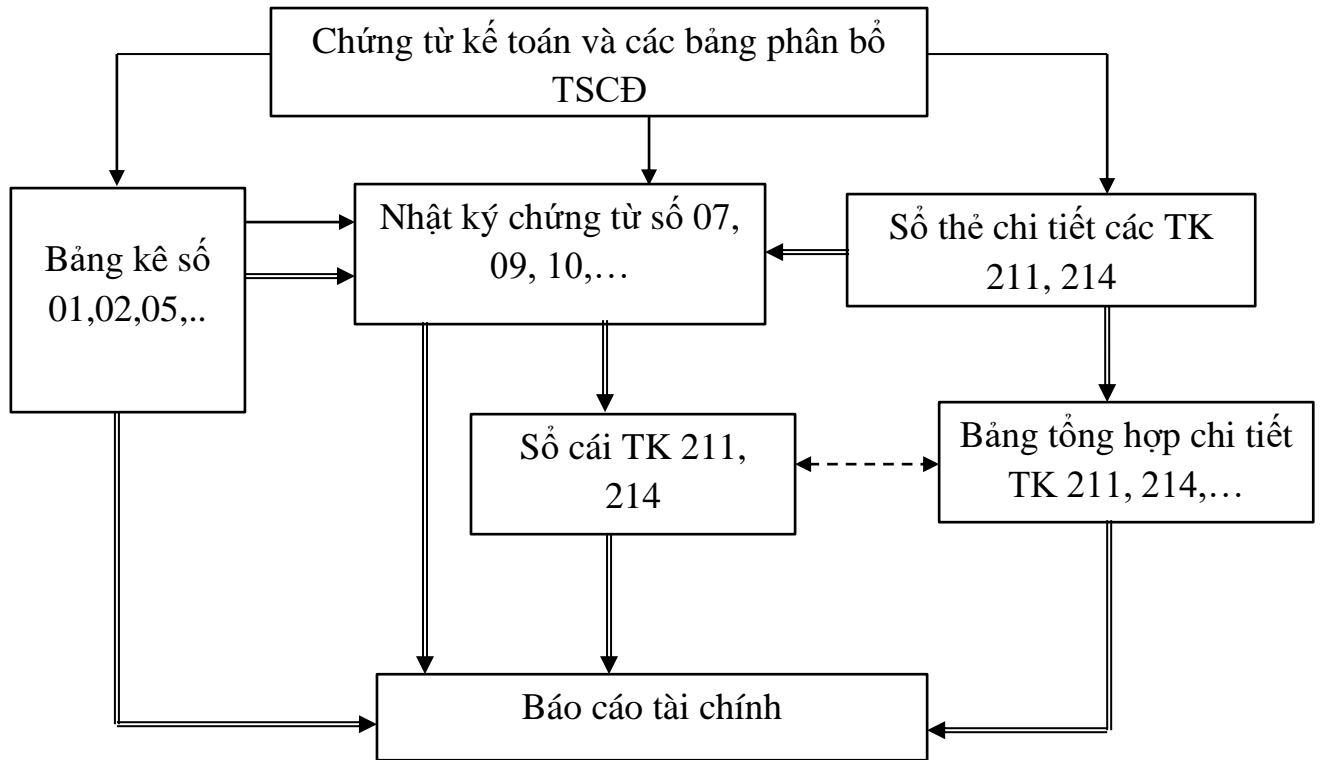
#### a) Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chứng từ (NKCT)

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ. Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản). Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép. Sử dụng các mẫu sổ in sẵn, các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ số 7, số 9, số 10...
- Bảng kê số 1, số 2, số 5...
- Sổ cái TK 211, 214
- Sổ, thẻ TSCĐ

b) *Trình tự ghi sổ kế toán*



Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————>

Ghi cuối tháng, định kì ══════════>

Đối chiếu, kiểm tra <----->

### 1.3.5. Hình thức kế toán trên máy tính

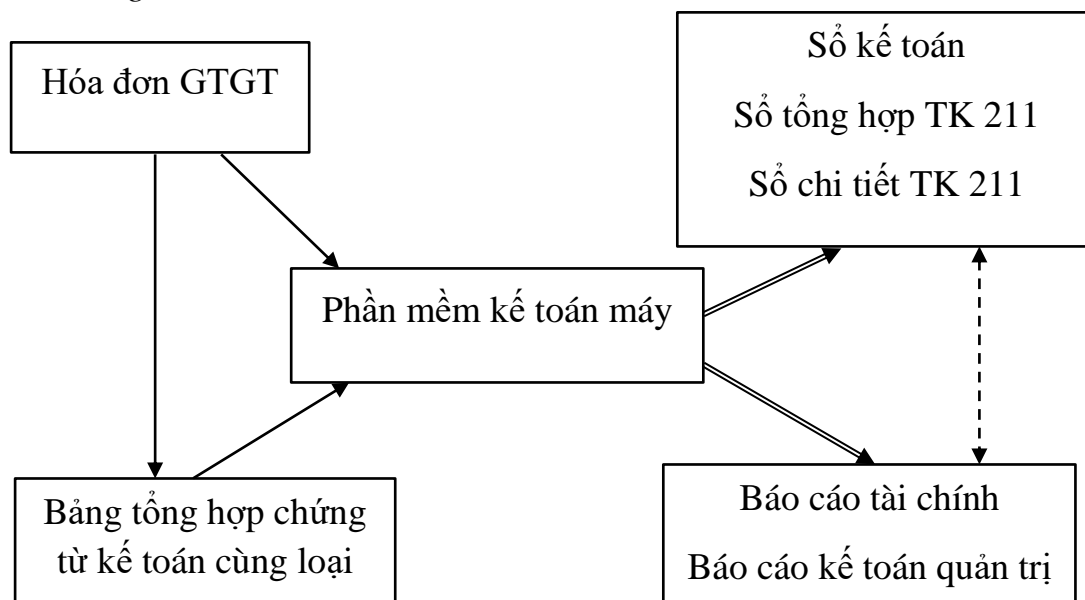
a) *Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy tính*

Đặc trưng của hình thức kế toán trên máy tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy tính, phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị

đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy tính: phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào thì sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ ghi bằng tay.

*b) Trình tự ghi sổ kế toán*



*Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính*

Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng, định kì ══════════→

Đối chiếu, kiểm tra ←-----→

## CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN MINH TRUNG

### 2.1. Tổng quan về công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung

#### 2.2.1. Giới thiệu về công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung

##### 2.2.1.1. Khái quát về công ty

Tên doanh nghiệp: **Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung**

Tên giao dịch:

**MINH TRUNG DELIVERY AND TRADING COMPANY LIMITED**

Mã số thuế: 0201347310

Số điện thoại: 0313.686725

Fax : 0313.529995

Email: [duyen@minhtrung.com.vn](mailto:duyen@minhtrung.com.vn)

Người đại diện pháp lý: Trần Thị Hồng Duyên

Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH 2 thành viên

Quy mô: Doanh nghiệp vừa và nhỏ



Logo:

Công ty TNHH Thương mại và giao nhận Minh Trung thành lập ngày 14 tháng 03 năm 2012.

Giấy phép đăng kí kinh doanh số 0201247310 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp lần đầu vào ngày 14 tháng 03 năm 2012.

Công ty TNHH Thương mại và giao nhận Minh Trung là một công ty trẻ, năng động, sáng tạo hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hoá nội địa bằng container.

Với trụ sở đầu tiên đặt tại số 90 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, Hải Phòng. Ngày 18 tháng 08 năm 2016 công ty chuyển địa điểm đến số 138 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

Khởi đầu là một công ty trẻ, năng động, sáng tạo hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hoá nội địa bằng container, công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung cung cấp một dịch vụ hoàn hảo về vận chuyển hàng hóa bằng

đường bộ có khả năng đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng về vận chuyển hàng hóa trên tất cả các tỉnh thành trong nước. Cung cấp dịch vụ vận tải biển quốc tế.

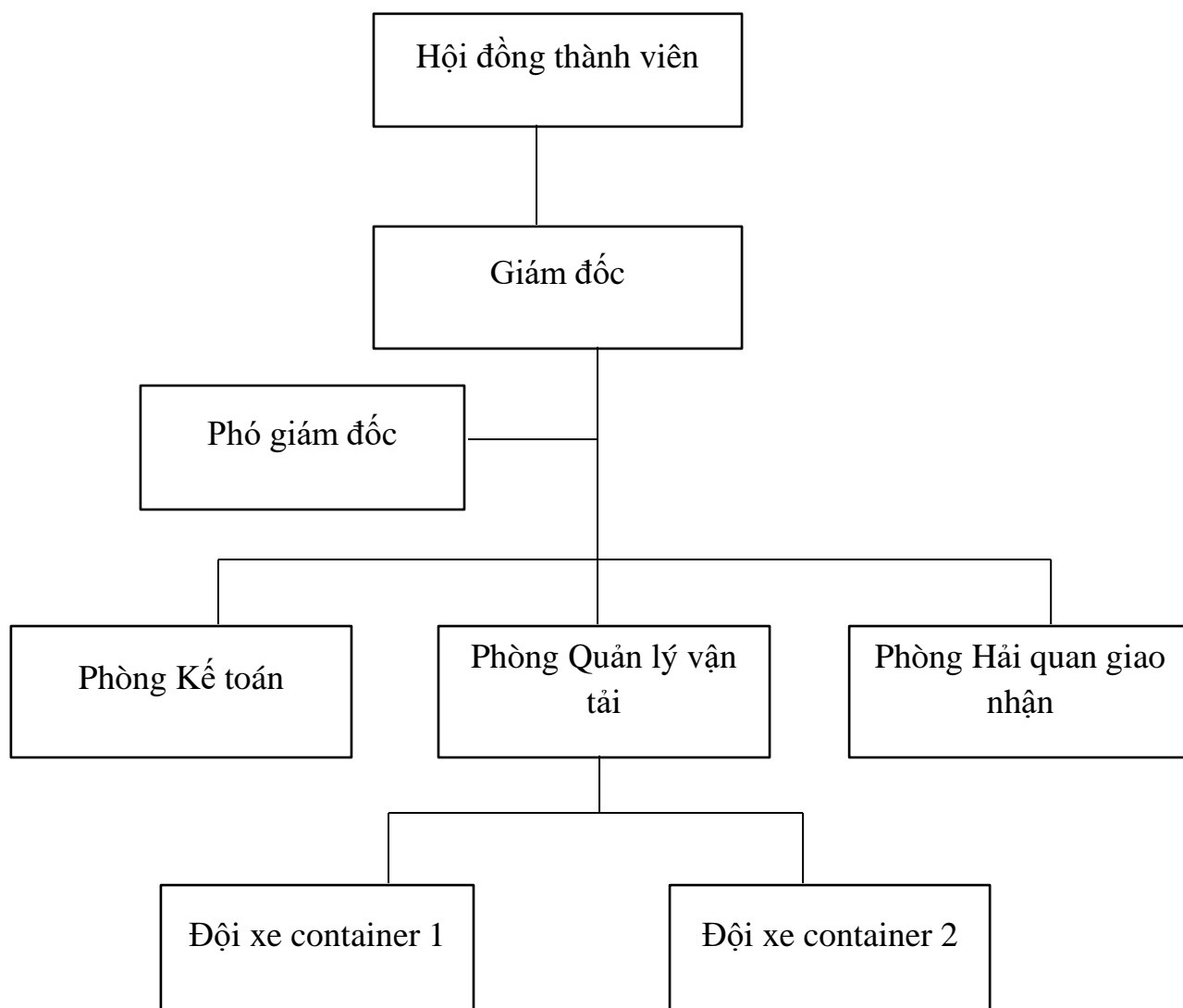
Với đội ngũ cán bộ, nhân viên điều hành và đội ngũ lái xe, giao nhận nhiệt tình, nhiều kinh nghiệm, Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung đem đến cho khách hàng sự hài lòng với dịch vụ nhanh chóng và tin cậy. Công ty sẽ tiếp tục khẳng định, phát triển để cung cấp những dịch vụ hoàn hảo và hiệu quả hơn để đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng. Với phương châm làm "Cầu nối giữa Khách hàng với Khách hàng", khách hàng hoàn toàn yên tâm khi chọn dịch vụ của công ty vì hàng hóa sẽ được giao một cách nhanh nhất, an toàn nhất với giá cả hợp lý. Vì thế trong 5 năm qua công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung luôn giữ vững uy tín trách nhiệm, luôn coi lợi ích khách hàng ở vị trí số một, phấn đấu không ngừng để trở thành một trong những nhà vận tải, giao nhận chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam.

#### *2.2.1.2. Ngành nghề kinh doanh của công ty*

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung chuyên cung cấp dịch vụ hàng hóa vận tải bằng container (nguyên toa, nguyên container, hàng lẻ) đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng về vận chuyển hàng hóa trên các tỉnh thành trong nước, cung cấp dịch vụ vận tải biển quốc tế, bốc xếp hàng hóa và làm thủ tục hải quan trọn gói.

#### *2.2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty*

Bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung thể hiện tại sơ đồ 2.1.



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận

*Minh Trung*

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung do ông Nguyễn Đức Minh và bà Trần Thị Hồng Duyên góp vốn thành lập, bổ nhiệm bà Trần Thị Hồng Duyên làm Giám đốc công ty.

**Hội đồng thành viên:** Là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của công ty cũng như chiến lược và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty. Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của công ty.

**Giám đốc:** Là người đại diện pháp nhân của công ty trong mọi giao dịch, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty. Đảm nhận công việc khai thác, tìm kiếm khách hàng và cung cấp các thông tin cần thiết theo yêu cầu của khách

hàng. Là người quyết định mục tiêu, định hướng phát triển của toàn bộ công ty, quyết định thành lập các bộ phận trực thuộc, bổ nhiệm các trưởng phó bộ phận, quản lý giám sát, điều hành các hoạt động thông qua các trợ lý, phòng ban.

**Phó giám đốc:** Là người giúp cho giám đốc thực hiện điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty. Thực hiện các chức năng quyền hạn của giám đốc khi được giám đốc ủy quyền.

**Phòng Kế toán:** Tổ chức công tác hạch toán kế toán và thực hiện công tác quản lý tài chính theo đúng hướng dẫn và các quy định của pháp luật hiện hành. Theo dõi sổ sách, tình hình thu chi quỹ tiền mặt, lập chứng từ kế toán và hạch toán kế toán tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Là nơi cung cấp kịp thời, đầy đủ về tình hình tài chính cũng như nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp, tình hình biến động của tất cả tài sản trong công ty, giúp cho giám đốc nắm rõ hiện trạng sản xuất kinh doanh của Công ty để có thể đưa ra các quyết định đúng đắn, kịp thời.

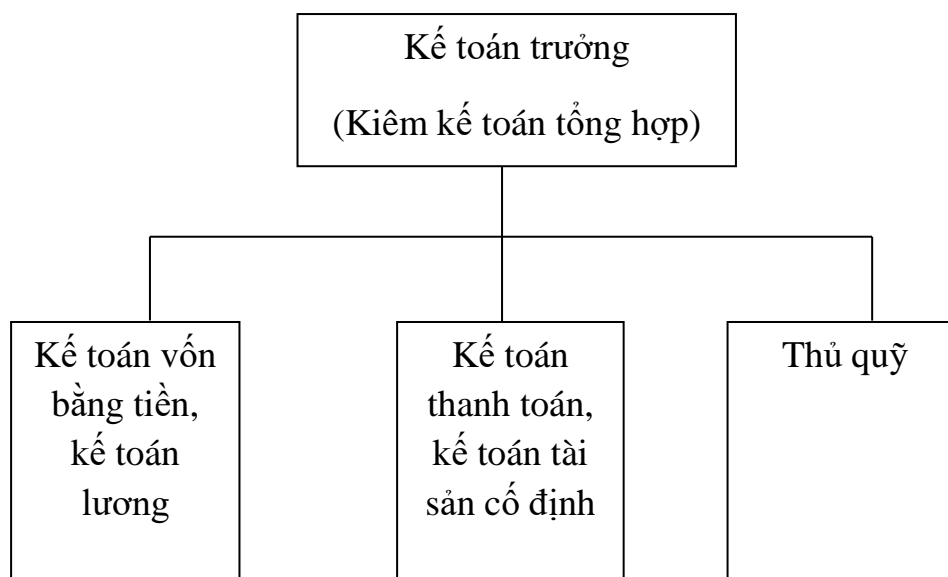
**Phòng Quản lý vận tải:** Đảm nhận công việc quản lý, điều hành xe ô tô vận tải chở hàng theo các tuyến đường đã được lên kế hoạch trước.

**Phòng Hải quan giao nhận:** Đảm nhận công việc mở tờ khai hải quan, làm các thủ tục xuất nhập khẩu, trực tiếp giao nhận hàng hóa, giấy tờ, thủ tục tại các điểm vận chuyển theo yêu cầu.

**Đội xe container:** Thực hiện việc vận chuyển hàng hóa, chấp hành theo lệnh trực tiếp từ bộ phận quản lý vận tải công ty và thường xuyên theo dõi kiểm tra phương tiện vận tải trong quá trình hoạt động báo cáo lên lãnh đạo.

### ***2.2.2. Đặc điểm công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung***

Bộ máy kế toán của công ty tổ chức theo hình thức tập trung (sơ đồ 2.2), toàn bộ công việc kế toán được tập trung tại phòng kế toán của công ty. Chứng từ kế toán sẽ được gửi về phòng kế toán công ty để lập Báo cáo tài chính. Bộ máy kế toán gọn nhẹ nhưng khâu tổ chức chắc chắn phù hợp với từng năng lực của từng nhân viên quản lý và đạt hiệu quả cao trong hạch toán của công ty từng phần hành nghiệp vụ.



*Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung*

**Kế toán trưởng (kiêm kế toán tổng hợp):** Ngoài việc kiểm tra, theo dõi, tổng hợp, lập báo cáo tài chính của công ty, tổ chức thông tin, phân tích hoạt động kinh doanh, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán, tổ chức kế toán tổng hợp và chi tiết các nội dung hạch toán khác như: tài sản cố định, nguồn vốn kinh doanh và các quỹ. Phát hiện, kiểm tra lại nhưng thiếu sót của cấp dưới, phụ trách công tác kế toán của toàn công ty, chịu trách nhiệm trước cấp trên về mọi hoạt động tài chính. Chịu trách nhiệm tổ chức bộ máy kế toán của công ty, duyệt các chứng từ mua bán, thu chi phát sinh, chỉ đạo kiểm tra công việc do kế toán viên thực hiện.

**Kế toán vốn bằng tiền và kế toán tiền lương:** Kế toán tổng hợp chi tiết tình hình thu chi các loại tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và hạch toán chi tiết tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, kinh phí công đoàn. Kiểm tra tình hình tính lương trả lương đối với công nhân viên.

**Kế toán tài sản cố định và kế toán thanh toán:** Tổ chức kế toán ghi chép, phản ánh số liệu một cách đầy đủ kịp thời về số lượng, hiện trạng và giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng, giảm và di chuyển TSCĐ, kiểm tra việc bảo quản, bảo dưỡng và sử dụng TSCĐ. Tính toán, phân bổ chính xác mức khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của TSCĐ. Theo dõi tình hình công nợ phải thu về tiền bán hàng các dịch vụ để nhanh chóng thu



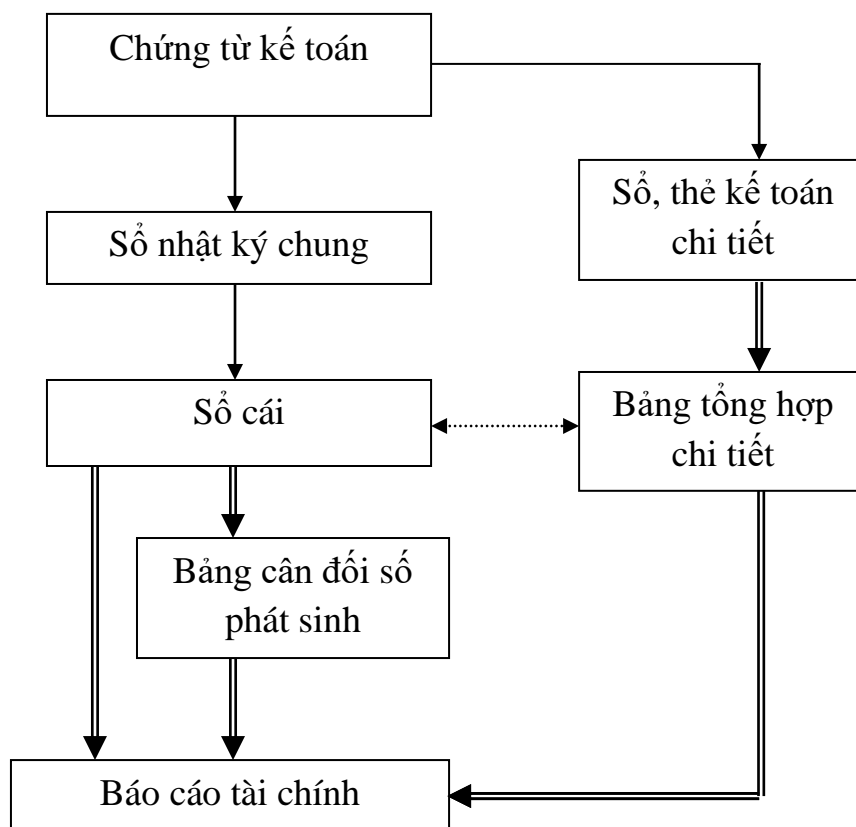
hồi vốn phục vụ kinh doanh. Đồng thời theo dõi tình hình các khoản nợ phải trả, những hợp đồng đã kí kết, tình hình thanh toán, quyết toán các hợp đồng. Phản ánh tình hình vay, trả tiền vay, thanh toán tiền công nợ với nhà nước về các khoản nợ.

**Thủ quỹ:** Căn cứ vào chứng từ thu chi đã được phê duyệt thủ quỹ có nhiệm vụ giữ quỹ tiền mặt và thu chi tiền mặt.

**2.2.3. Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung**

**2.2.3.1. Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty**

Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung được thể hiện qua sơ đồ 2.3.



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung

**Ghi chú:**

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kì
- ←.....> Đối chiếu, kiểm tra

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật kí chung. Việc áp dụng hình thức này đối với nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã đáp ứng được yêu cầu dễ dàng kiểm tra, đối chiếu, thuận lợi cho việc phân công công tác.

Mỗi ngày dựa vào các chứng từ hóa đơn, phiếu thu, phiếu chi..., các nghiệp vụ phát sinh được ghi chép vào sổ Nhật kí chung. Dựa vào số liệu từ sổ Nhật kí chung để vào các Sổ cái theo từng Nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Cuối tháng, quý, năm, cộng số liệu trên sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

#### 2.2.3.2. Chế độ và chính sách kế toán tại công ty

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung là doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ do vậy công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/9/2006 và tuân thủ các quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán liên quan.

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 năm Dương lịch.

Kỳ kế toán: Theo quý

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Việt Nam đồng

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp tính thuế GTGT : Theo phương pháp khấu trừ

Phương pháp khấu hao TSCĐ áp dụng: Phương pháp đường thẳng

Việc trích khấu hao được áp dụng theo Thông tư số 45/2013/BTC ban hành ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

### 2.3. Thực trạng công tác kế toán TSCĐ tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung chỉ có TSCĐ hữu hình, không có TSCĐ vô hình và TSCĐ thuê tài chính.

### 2.3.1. Đặc điểm TSCĐ hữu hình và công tác quản lý TSCĐ hữu hình tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung

#### 2.3.1.1. Đặc điểm TSCĐ hữu hình tại công ty

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ vận tải mà hoạt động chính của công ty là giao nhận hàng hóa, dịch vụ hải quan. Do đó TSCĐ của công ty chủ yếu là các phương tiện vận tải đường bộ như là: ô tô đầu kéo, Sômi rômooc...

#### 2.3.1.2. Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm tại công ty

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm tại công ty được tính theo công thức:

$$\text{Nguyên giá TSCĐ mua sắm} = \text{Giá mua trên hóa đơn GTGT (chưa bao gồm thuế)} + \text{Các chi phí phát sinh trực tiếp}$$

Trong đó, các chi phí phát sinh trực tiếp bao gồm: chi phí vận chuyển, chi phí lắp đặt chạy thử, thuế và phí trước bạ (nếu có)...

Ví dụ 1: Ngày 26/09/2015, công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung mua 01 ô tô đầu kéo Interndional và 01 Sômi Rômooc của công ty TNHH Thương mại và Xe tải Quốc tế.

Giá mua ghi trên hóa đơn GTGT của ô tô đầu kéo Interndional là 1.036.363.636 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT 10%). Thuế trước bạ của ô tô đầu kéo Interndional là 22.800.000 đồng.

Giá mua ghi trên hóa đơn của Sômi Rômooc là 318.181.818 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT 10%). Thuế trước bạ của Sômi Rômooc là 7.000.000 đồng.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT và biên lai thu lệ phí trước bạ, kế toán tiến hành tính nguyên giá của TSCĐ như sau:

$$\text{Nguyên giá ô tô đầu kéo Interndional} = 1.036.363.636 + 22.800.000 = 1.059.163.636 \text{ đồng}$$

$$\text{Nguyên giá Sômi Rômooc tải} = 318.181.818 + 7.000.000 = 325.181.818 \text{ đồng}$$

#### 2.3.1.3. Phân loại TSCĐ hữu hình tại công ty

Dựa theo công dụng của TSCĐ, công ty tiến hành phân loại TSCĐ hữu hình như sau:

- + Phương tiện vận tải: Ô tô đầu kéo, sômi rômooc
- + Thiết bị, dụng cụ quản lý

#### 2.3.1.4. *Yêu cầu quản lý TSCĐ hữu hình tại công ty*

TSCĐ của công ty khi mua về được bàn giao trực tiếp cho các bộ phận liên quan trực tiếp quản lý, tiếp nhận, bảo quản dưới sự giám sát của kế toán TSCĐ tại công ty.

Khi xảy ra tổn thất TSCĐ (hư hỏng, mất mát, giảm giá trị tài sản), các đơn vị báo cáo với phó giám đốc công ty để xác định mức tổn thất và tiến hành lập phương án xử lý.

#### 2.3.2. *Kế toán tăng giảm TSCĐ hữu hình tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung*

Tại công ty TSCĐ hữu hình tăng phần lớn là do mua sắm căn cứ vào nhu cầu thực tế của hoạt động kinh doanh của công ty như ô tô đầu kéo, somi romooc,...

Đối với nghiệp vụ giảm TSCĐ hữu hình chủ yếu là do thanh lý những TSCĐ cũ, lạc hậu hay không phù hợp với nhu cầu sử dụng của công ty để thay thế bằng những TSCĐ hiện đại hơn, tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Các biến động tăng giảm TSCĐ hữu hình đều được kế toán TSCĐ theo dõi và hạch toán kịp thời. Để đảm bảo chính xác, thận trọng, đầy đủ việc hạch toán TSCĐ đều phải căn cứ trên chứng từ gốc liên quan đến hoạt động mua sắm, thanh lý TSCĐ.

##### 2.3.2.1. *Chứng từ sử dụng tại công ty*

- Hóa đơn GTGT
- Biên bản giao nhận TSCĐ (Mẫu số 01 – TSCĐ)
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

##### 2.3.2.2. *Tài khoản sử dụng tại công ty*

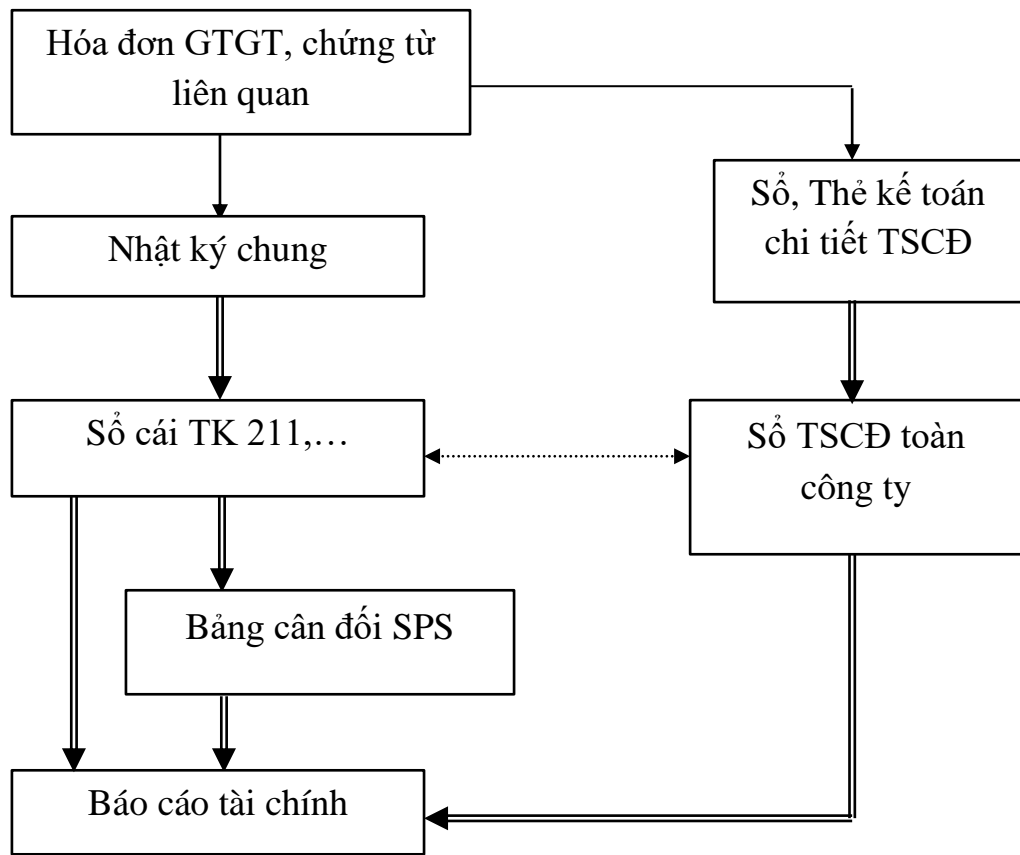
Để hạch toán TSCĐ công ty sử dụng tài khoản sau:

- TK 211: Tài sản cố định.
- Các tài khoản khác có liên quan

##### 2.3.2.3. *Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty*

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 211
- Thẻ TSCĐ
- Sổ TSCĐ toàn công ty

2.3.2.4. Quy trình kế toán tăng giảm TSCĐ



Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán TSCĐ tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung

**Ghi chú:**

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kì
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

2.3.2.5. Ví dụ về kế toán tăng giảm TSCĐ

Tiếp ví dụ 1: Ngày 26/09/2015, công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung mua 01 ô tô đầu kéo Interndional và 01 Sômi Romooc của công ty TNHH Thương mại và Xe tải Quốc tế. Công ty đã thanh toán tiền mua Sômi Romooc bằng TGNH là 350.000.000 đồng vào ngày 15/10/2015. Đồng thời thanh toán tiền mua ô tô đầu kéo bằng TGNH cùng ngày là 492.000.000 đồng, vay ngân hàng 648.000.000 đồng.

Sau khi mua về công ty phải làm các thủ tục cho xe gồm:

- Biên bản giao nhận TSCĐ số 01 BBGN/2015
- Nộp thuế trước bạ của ô tô đầu kéo là 22.800.000 đồng.
- Nộp thuế trước bạ của Sômi Romooc tải là 7.000.000 đồng

Kế toán hạch toán tăng TSCĐ như sau:

- ✓ Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000014 (Biểu số 2.1), Biên bản giao nhận TSCĐ số 01 BBGN/2015 (Biểu số 2.2), Ủy nhiệm chi số 2434 (Biểu số 2.3), Biên lai thu tiền lệ phí trước bạ (Biểu số 2.4, Biểu số 2.5), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.12 - trang 55), đồng thời phản ánh vào Thẻ TSCĐ (Biểu số 2.6, Biểu số 2.7).
- ✓ Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 211 (Biểu số 2.14 – trang 56).
- ✓ Từ thẻ TSCĐ kế toán phản ánh vào Sổ TSCĐ toàn công ty (Biểu số 2.8 – trang 48)

**Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000014**

<b>HÓA ĐƠN</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu: QT/15P			
Liên 2: Giao khách hàng		Số: 0000014			
Ngày 26 tháng 09 năm 2015					
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XE TẢI QUỐC TẾ</b>					
Mã số thuế: <b>0201640987</b>					
Địa chỉ: Lô LK 20 Khu đô thị xanh Quang Minh, X.Thủy Sơn, H.Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng					
Số tài khoản: 3101017950					
Điện thoại: 093 266 09 99					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung					
Mã số thuế: 0201247310					
Địa chỉ: 90 Trần Khánh Dư, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK		Số tài khoản: 132082299			
STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Ô tô đầu kéo Nhãn hiệu International SK: 3HSDISJR1CN625596 SM: 125HM2Y4126152	Cái	01	1.036.363.636	1.036.363.636
2	Somi Romooc tải Nhãn hiệu Goodtimes SK: LA94223CP6FAHSD036	Cái	01	318.181.818	318.181.818
Cộng tiền hàng					1.354.545.454
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			135.454.546
Tổng cộng tiền thanh toán					1.490.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm chín mươi triệu đồng chẵn					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

**Biểu số 2.2: Biên bản giao nhận TSCĐ số 01 BBBG/2015**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung  
**Bộ phận:** Phòng Quản lý vận tải

Mẫu số 01 - TSCĐ  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BIÊN BẢN GIAO NHẬN TSCĐ**

Ngày 30 tháng 09 năm 2015

Số: 01 BBBG/2015

Căn cứ quyết định số: 57/QĐ - 2015 ngày 15 tháng 09 năm 2015 của Giám đốc công ty về việc bàn giao TSCĐ.

Ban giao nhận bao gồm:

Bà: Bùi Thu Minh – Phó Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Xe Tải Quốc Tế (Đại diện bên giao)

Ông: Nguyễn Minh Huy – Phó Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung (Đại diện bên nhận)

Địa điểm giao nhận TSCĐ: Bãi đỗ xe Gầm Cầu An Đông - 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Xác nhận việc giao nhận TSCĐ như sau:

STT	Tên, kí hiệu, quy cách, cấp hạng TSCĐ	Số hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Công suất (diện tích thiết kế)	Tính nguyên giá TSCĐ					Tài liệu kĩ thuật kèm theo	
							Giá mua	Chi phí vận chuyển	Chi phí chạy thử	...	Nguyên giá TSCĐ		
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	E	
1	Ô tô đầu kéo nhãn hiệu International		Hàn quốc	2015	2015		1.140.000.000				1.140.000.000	1 bộ	
2	Somi Romooc Nhãn hiệu Goodtimes		Trung Quốc	2014	2015		350.000.000				350.000.000	1 bộ	
<b>Cộng</b>								1.490.000.000				1.490.000.000	

**Dụng cụ, phụ tùng kèm theo**

Số thứ tự	Tên, quy cách, dụng cụ phụ tùng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị
A	B	C	1	2

Giám đốc bên nhận  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng bên nhận  
(Ký, họ tên)

Người nhận  
(Ký, họ tên)

Người giao  
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)



**Biểu số 2.3: Ủy nhiệm chi số 2434**



**ỦY NHIỆM CHI / PAYMENT ORDER**

**Số / No: 2434**

**Ngày / Date: 15/10/2015**

-----**ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN / APPLICANT**-----

**Tên tài khoản / Acct's Name : Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung**

**Số tài khoản / Acct No: 132082299**      Tại ngân hàng Á Châu - chi nhánh / At ACB - Branch : **Duyên Hải**

**Đơn vị thụ hưởng / Beneficiary: Công ty TNHH Thương mại và Xe tải Quốc Tế**

**Số tài khoản / Acct No: 3101017950**

**Tại ngân hàng / Beneficiary's Bank: BIDV- CN Hải Phòng**

Tỉnh, TP / Province, City: Hải Phòng

**Số tiền bằng chữ /: Tám trăm, bốn mươi hai triệu đồng chẵn**

**Bằng số /: 842.000.000 đ**

Amount in words

In figures

**Nội dung / Details : Công ty Minh Trung thanh toán tiền mua ô tô đầu kéo và Somi Romooc tải cho công ty Xe tải Quốc Tế**

<b>ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN / Applicant</b>		<b>NGÂN HÀNG Á CHÂU / ACB</b>		<b>NGÂN HÀNG B / B Bank</b>	
<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Chủ tài khoản</b>	<b>Ghi sổ ngày / Post Date .....</b>		<b>Ghi sổ ngày / Post Date .....</b>	
Chief Accountant	Account Holder	<b>Giao dịch viên</b>	<b>Trưởng đơn vị</b>	<b>Giao dịch viên</b>	<b>Trưởng đơn vị</b>
		Teller	Manager	Teller	Manager

*(Nguồn: Phòng kế toán công ty)*



**Biểu số 2.6: Thẻ TSCĐ số 01/2015**

<b>Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung</b> <b>Số 90 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng</b>			Mẫu số S12 - DNN (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)			
<b>THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>						
Số 01/2015			Lập ngày: 06/10/2015			
Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số 01 BBBG/2015 ngày 30 tháng 09 năm 2015						
Tên tài sản: Xe đầu kéo mới biển số 15C -17398						
Nước sản xuất: Hàn Quốc			Năm sản xuất: 2015			
Bộ phận đưa vào sử dụng: Phòng quản lý vận tải						
Năm đưa vào sử dụng: 2015						
Số khung: 3HSDISJR1CN625596			Số máy: 125HM2Y4126152			
Định chỉ sử dụng TSCĐ Ngày...tháng...năm...						
Lý do đình chỉ:.....						
ĐVT: đồng						
Số hiệu chứng từ	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn tài sản cố định		
	Ngày tháng năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4
BBGN 01/2015	03/10/2015	Mua xe đầu kéo mới biển số 15C -17398	1.059.163.636	2015	26.479.091	26.479.091
Dụng cụ phụ tùng kèm theo						
STT	Tên quy cách, dụng cụ, phụ tùng	ĐVT	Số lượng	Giá trị		
A	B	C	1	2		
Ghi giảm TSCĐ theo chứng từ số:... Ngày...tháng...năm...						
Lý do giảm:.....						
Người lập phiếu			Kế toán trưởng		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
(ký, họ tên)			(ký, họ tên)		Giám đốc (ký, họ tên, đóng dấu)	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

**Biểu số 2.7: Thẻ TSCĐ số 02/2015**

**Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung** Mẫu số S12 - DNN  
**Số 90 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng** (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Số 02/2015 Lập ngày: 06/10/2015

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số 01 BBBG/2015 ngày 26 tháng 09 năm 2015

Tên tài sản: Somi Romooc mới biển số 15R - 09405

Nước sản xuất: Trung Quốc Năm sản xuất: 2014

Bộ phận đưa vào sử dụng: Phòng quản lý vận tải

Năm đưa vào sử dụng: 2015

Số khung: LA94223CP6FAHSD036

Định chỉ sử dụng TSCĐ Ngày...tháng...năm...

Lý do định chỉ:.....

ĐVT: đồng

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn tài sản cố định		
	Ngày tháng năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4
BBGN 01-2015	03/10/2015	Mua Somi Romooc mới biển số 15R - 09405	325.181.818	2015	8.129.546	8.129.546

**Dụng cụ phụ tùng kèm theo**

STT	Tên quy cách, dụng cụ, phụ tùng	ĐVT	Số lượng	Giá trị
A	B	C	1	2

Ghi giảm TSCĐ theo chứng từ số:... Ngày...tháng...năm...

Lý do giảm:.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

**Biểu số 2.8: Sổ TSCĐ cố định năm 2015**

**Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung**  
**Bộ phận: Số 90 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng**

**Mẫu số: S10 - DNN**  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TOÀN CÔNG TY**

**Đơn vị tính: VND**

STT	Ghi tăng tài sản cố định hữu hình							Khấu hao TSCĐ			Ghi giảm TSCĐ		
	Chứng từ		Tên TSCĐ	Nước sản xuất	Ngày đưa vào sử dụng	Mã TSCĐ	Nguyên giá	Khấu hao năm		Số khấu hao đã trích tính đến khi ghi giảm TSCĐ	Chứng từ		Lý do giảm TSCĐ
	Số hiệu	Ngày tháng						Tỷ lệ KH (%)	Mức KH		Số hiệu	Ngày tháng	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
07	BBGN07	15/06/2012	Xe đầu kéo Mỹ Freightliner 15C - 02300	Mỹ	15/06/2012		510.000.000	10%	51.000.000				
08	BBGN08	15/06/2012	Sơ mi rơ moóc Doosung 15R - 01226	Hàn quốc	15/06/2012		306.000.000	10%	30.600.000				
09	BBGN09	15/06/2012	Sơ mi rơ moóc Doosung 15R - 03715	Hàn quốc	15/06/2012		296.000.000	10%	29.600.000				
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
13	BBGN03	06/05/2013	Máy photocopy Ricoh Aficio MP 201 SPF	Nhật Bản	06/05/2013		43.600.000	14,29%	6.230.440	15.056.898	BBTL01	02/11/2015	Thanh lý
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
16	BBGN06	27/08/2013	Xe đầu kéo FAW 15C-13491	Việt Nam	27/08/2013		395.640.000	16,67%	65.953.188				
17	BBGN07	27/08/2013	Sơ mi Rơmoóc Goldhofer 15R - 22356	Việt Nam	27/08/2013		116.200.000	16,67%	19.370.540				
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
30	BBGN01	06/10/2015	Xe đầu kéo 15C – 17398	Hàn Quốc	06/10/2015		1.059.163.636	10%	105.916.364				
31	BBGN01	06/10/2015	Sơ mi Rơmoóc tải 15R - 09405	Trung Quốc	06/10/2015		325.181.818	10%	32.518.182				
			Cộng				8.508.575.454		887.628.339	48.645.832			

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Ví dụ 2: Ngày 02/11/2015, công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung thanh lý 01 máy photocopy Ricoh Aficio MP 201 SPF cho Công ty Cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài INLACO Hải Phòng. Nguyên giá 43.600.000 đồng, đã khấu hao 15.056.897 đồng. Thu nhập từ thanh lý là 11.550.000 đồng (thuế GTGT 10%).

Để tiến hành thanh lý nhượng bán lập chứng từ sau:

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản bàn giao

Kế toán hạch toán giảm TSCĐ như sau:

- ✓ Căn cứ vào Biên bản thanh lý TSCĐ số 01/2015 (Biểu số 2.9), Hóa đơn GTGT số 0000269 (Biểu số 2.10), Biên bản bàn giao (Biểu số 2.11), Phiếu thu số 152 (Biểu số 2.12), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.14 – trang 55), đồng thời phản ánh vào Thẻ TSCĐ số 03/2013 (Biểu số 2.13).
- ✓ Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 211 (Biểu số 2.15 – trang 56).
- ✓ Từ thẻ TSCĐ kế toán phản ánh vào Sổ TSCĐ toàn công ty (Biểu số 2.08 – trang 48)

**Biểu số 2.9: Biên bản thanh lý TSCĐ số 01/2015**

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung  
 Số 90 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số 02 - TSCĐ  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ**

**Số: 01/2015**

**Ngày 02 tháng 11 năm 2015**

Căn cứ Quyết định số: 63/QĐ-2015 ngày 01 tháng 11 năm 2015 của Giám đốc về việc thanh lý TSCĐ

**I. Ban thanh lý gồm có:**

Đại diện công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung

Bà: Trần Thị Hồng Duyên Chức vụ: Giám đốc (Trưởng Ban)

Ông: Nguyễn Minh Huy Chức vụ: Phó Giám đốc (Ủy Viên)

Bà: Trần Thị Thái Chức vụ: Kế toán trưởng (Thư ký)

**II. Tiến hành thanh lý TSCĐ**

Tên mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Máy photocopy Ricoh Aficio MP 201 SPF

Số hiệu TSCĐ:

Nước sản xuất: Nhật Bản

Năm đưa vào sử dụng: 2013

Nguyên giá TSCĐ: 43.600.000 đồng

Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 15.056.898 đồng

Giá trị còn lại của TSCĐ: 28.543.102 đồng

**III. Kết luận của ban thanh lý TSCĐ**

Công ty quyết định thanh lý TSCĐ trên vì tài sản không phù hợp với nhu cầu sử dụng của công ty.

**IV. Kết quả thanh lý TSCĐ**

- Tổng giá trị thanh lý TSCĐ: 11.550.000 đồng
- Chi phí thanh lý TSCĐ: 0 đồng
- Đã ghi giảm TSCĐ ngày 02 tháng 11 năm 2015

**Trưởng ban**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

**Ủy viên**  
 (Ký, họ tên)

**Thư ký**  
 (Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

**Biểu số 2.10: Hóa đơn số 0000269**

	<p><b>HÓA ĐƠN</b></p> <p><b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b></p> <p>Liên 3: Nội bộ</p> <p>Ngày 02 tháng 11 năm 2015</p>	<p>Mẫu số: 01GTKT3/001</p> <p>Ký hiệu: MT/15P</p> <p>Số: 0000269</p>																																	
<p>Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN MINH TRUNG</b></p> <p>Mã số thuế: <b>0201247310</b></p> <p>Địa chỉ: Số 90 Trần Khánh Dư, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng</p> <p>Số tài khoản: 132082299 Ngân hàng ACB – Chi nhánh Duyên Hải</p> <p>Điện thoại: 0313 686 725</p>																																			
<p>Họ tên người mua hàng: .....</p> <p>Tên đơn vị: Công ty Cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài INLACO Hải Phòng</p> <p>Mã số thuế: 0200344784</p> <p>Địa chỉ: Số 4, Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng</p> <p>Hình thức thanh toán: TM                      Số tài khoản:</p>																																			
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 5%;">STT</th> <th style="width: 35%;">Tên hàng hóa, dịch vụ</th> <th style="width: 5%;">ĐVT</th> <th style="width: 10%;">Số lượng</th> <th style="width: 15%;">Đơn giá</th> <th style="width: 30%;">Thành tiền</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">1</td> <td>Máy photocopy Ricoh Aficio MP 201 SPF</td> <td style="text-align: center;">Cái</td> <td style="text-align: center;">01</td> <td></td> <td style="text-align: right;">10.500.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: center;">Cộng tiền hàng</td> <td style="text-align: right;">10.500.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5">Thuế suất GTGT: 10%                      Tiền thuế GTGT</td> <td style="text-align: right;">1.050.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: center;">Tổng cộng tiền thanh toán</td> <td style="text-align: right;">11.550.000</td> </tr> </tbody> </table>						STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	1	Máy photocopy Ricoh Aficio MP 201 SPF	Cái	01		10.500.000	Cộng tiền hàng					10.500.000	Thuế suất GTGT: 10%                      Tiền thuế GTGT					1.050.000	Tổng cộng tiền thanh toán					11.550.000
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																														
1	Máy photocopy Ricoh Aficio MP 201 SPF	Cái	01		10.500.000																														
Cộng tiền hàng					10.500.000																														
Thuế suất GTGT: 10%                      Tiền thuế GTGT					1.050.000																														
Tổng cộng tiền thanh toán					11.550.000																														
<p>Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn</p>																																			
<p><b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p><b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p><b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</p>																															

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)



**Biểu số 2.11: Biên bản bàn giao**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN MINH TRUNG**

Địa chỉ: Số 90 Trần Khánh Dư, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Điện thoại: 0313 686 725

Fax: 04-361457

**BIÊN BẢN BÀN GIAO**

**Ngày 02 tháng 11 năm 2015**

Bên giao: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN MINH TRUNG**

Đại diện: Ông Nguyễn Minh Huy

Chức vụ: Phó Giám đốc công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung

Số điện thoại: 0166 701 2495

Bên nhận: **CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI INLACO HẢI PHÒNG**

Đại diện: Ông Đinh Đức Long

Địa chỉ: Số 4, Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Số điện thoại: 0912 370 950

Nội dung:

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VAT)
1	Máy photocopy Ricoh Aficio MP 201 SPF	01		11.550.000

Biên bản này được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ 1 bản và có giá trị như nhau.

**Bên nhận**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Bên giao**  
(ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

**Biểu số 2.12: Phiếu thu số 00152**

**Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung  
Số 90 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng**

**Mẫu số 01 - TT**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU THU**

**Ngày 27 tháng 11 năm 2015**

Quyển số:.....

Số: PT00152

Nợ: 111

Có: 131

Họ tên người nộp tiền: Ông Đinh Đức Long

Địa chỉ: Công ty Cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài INLACO Hải Phòng

Lý do nộp: Thu tiền thanh lý Máy photocopy Ricoh Aficio MP 201 SPF – HD 269

Số tiền: 11.550.000 đồng

Viết bằng chữ: Mười một triệu năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

<b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nộp tiền</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)
---	---------------------------------------	---------------------------------------	--	--------------------------------

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

**Biểu số 2.13: Thẻ TSCĐ số 03/2013**

<b>Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung</b> <b>Số 90 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng</b>			Mẫu số S12 - DNN (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)			
<b>THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>						
Số 03/2013			Lập ngày: 06/05/2013			
Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số 01/2013 ngày 06 tháng 05 năm 2013						
Tên tài sản: Máy photocopy Ricoh Aficio MP 201 SPF						
Nước sản xuất: Nhật Bản			Năm đưa vào sử dụng: 2013			
Bộ phận đưa vào sử dụng: Phòng Hải quan giao nhận						
Đình chỉ sử dụng TSCĐ ngày 02 tháng 11 năm 2015						
Lý do đình chỉ: tài sản không phù hợp với nhu cầu sử dụng của công ty.						
Số hiệu chứng từ	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn tài sản cố định		
	Ngày tháng năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
PC 231	06/05/2013	Mua máy Photocopy	43.600.000	2013	4.153.627	4.153.627
PKT89	31/12/2014			2014	6.230.440	10.384.067
BBTL01	02/11/2015	Thanh lý máy photocopy	43.600.000	2015	4.672.831	15.056.898
Dụng cụ phụ tùng kèm theo						
STT	Tên, quy cách, dụng cụ phụ tùng			ĐVT	Số lượng	Giá trị
A	B			C	1	2
Ghi giảm TSCĐ theo chứng từ số: BBTL 01/2015 Ngày 02 tháng 11 năm 2015						
Lý do giảm: Thanh lý máy Photocopy						
<b>Người lập phiếu</b> (ký, họ tên)			<b>Kế toán trưởng</b> (ký, họ tên)		Ngày 26 tháng 09 năm 2015 <b>Giám đốc</b> (ký, họ tên, đóng dấu)	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

**Biểu số 2.14: Nhật ký chung năm 2015**

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung  
Số 90 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÍ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
26/09	HD 0000014	26/09	Mua xe đầu kéo và Somi Romooc của công ty Xe Tải Quốc Tế	1332	135.454.546	
				211	1.354.545.454	
				331		1.490.000.000
...	...	...	...	...	...	...
03/10	PKT78	03/10	Lệ phí trước bạ xe đầu kéo mới 15C-17398 phải nộp	211	22.800.000	
				3339		22.800.000
03/10	PC165	03/10	Thanh toán Thuế trước bạ xe đầu kéo 15C-17398	3339	22.800.000	
				111		22.800.000
03/10	PKT79	03/10	Lệ phí trước bạ Somi Romooc tải 15R - 09405 phải nộp	211	7.000.000	
				3339		7.000.000
03/10	PC166	03/10	Nộp thuế trước bạ Somi Romooc tải 15R - 09405	3339	7.000.000	
				111		7.000.000
...	...	...	...	...	...	...
02/11	BBTL01	02/11	Thanh lý máy Photocopy	811	28.543.102	
				214	15.056.898	
				211		43.600.000
02/11	BBTL01	01/11	Thanh lý máy Photocopy	131	11.550.000	
				711		10.500.000
				3331		1.050.000
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>52.911.294.191</b>	<b>52.911.294.191</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập phiếu**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

**Biểu số 2.15: Sổ cái TK 211 năm 2015**

**Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung  
Số 90 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng**

Mẫu số S03b- DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2015**

**Tên tài khoản: Tài sản cố định**

**Số hiệu: 211**

**Đơn vị tính: đồng**

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>Số dư đầu kỳ</b>		<b>7.167.830.000</b>	
		<b>Số phát sinh</b>			
HD 0000014	26/09	Mua xe đầu kéo và Somi Romooc của công ty Xe Tải Quốc Tế	331	1.354.545.454	
PKT78	03/10	Lệ phí trước bạ xe đầu kéo mới 15C – 17398 phải nộp	3339	22.800.000	
PKT79	03/10	Lệ phí trước bạ Somi Romooc tải 15R – 09405 phải nộp	3339	7.000.000	
BBTL01	02/11	Thanh lý máy Photocopy	811		28.543.102
			214		15.056.898
		<b>Cộng SPS</b>		<b>1.384.345.454</b>	<b>43.600.000</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>8.508.575.454</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)  
(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

### 2.3.3. Kế toán khấu hao TSCĐ hữu hình tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung

#### 2.3.3.1. Phân tích khấu hao cơ bản TSCĐ tại công ty

Hiện nay công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung, kế toán sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng và trích khấu hao theo từng quý, tổng hợp vào cuối năm.

Kế toán công ty khi tính khấu hao TSCĐ thường làm tròn theo tháng. Khi mua TSCĐ vào ngày gần cuối tháng (từ ngày 20 đến hết tháng) kế toán sẽ trích khấu hao cho TSCĐ này từ tháng sau. Nếu TSCĐ được mua vào ngày 01 đến ngày 19 của tháng thì kế toán sẽ khấu hao cả tháng cho TSCĐ mới mua về.

Đối với những TSCĐ đã khấu hao hết mà vẫn sử dụng thì không được trích khấu hao nữa.

Công ty thực hiện trích khấu hao cho TSCĐ theo công thức:

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ} = \text{Nguyên giá TSCĐ} \times \text{Tỷ lệ khấu hao}$$

$$\text{Mức trích khấu hao hàng quý của TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ}}{12 \text{ tháng}} \times 3 \text{ tháng}$$

\*Ví dụ về cách tính khấu hao TSCĐ tại công ty

Ví dụ 3: Ngày 6/10/2015, công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung đưa vào sử dụng 01 ô tô đầu kéo Interndional và 01 Somi Romooc mua của công ty TNHH Thương mại và Xe tải Quốc tế.

Nguyên giá của ô tô đầu kéo Interndional 15C –17398 là 1.059.163.636 đồng

Nguyên giá của Somi Romooc tải 15R – 09405 là 325.181.818 đồng

$$\begin{aligned} \text{Mức trích khấu hao hàng năm} \\ \text{của ô tô đầu kéo Interndional} \\ \text{15C –17398} &= 1.059.163.636 \times 10\% = 105.916.364 \text{ (đồng)} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Mức trích khấu hao quý} \\ \text{IV/2015 của ô tô đầu kéo} \\ \text{Interndional 15C –17398} &= \frac{105.916.364}{12} \times 3 = 26.479.091 \text{ (đồng)} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Mức trích khấu hao hàng năm} \\ \text{của Somi Romooc tải} &= 325.181.818 \times 10\% = 32.518.182 \text{ (đồng)} \\ \text{15R – 09405} & \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Mức trích khấu hao quý} \\ \text{IV/2015 của Somi Romooc} &= \frac{32.518.182}{12} \times 3 = 8.129.546 \text{ (đồng)} \\ \text{tải 15R – 09405} & \end{aligned}$$

Ví dụ 4: Ngày 02/11/2015, công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung thanh lý 01 máy photocopy Ricoh Aficio MP 201 SPF cho Công ty Cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài INLACO Hải Phòng.

Nguyên giá máy photocopy Ricoh Aficio MP 201 SPF 43.600.000 đồng.

$$\begin{aligned} \text{Mức trích khấu hao hàng năm} \\ \text{của máy photocopy Ricoh} &= 43.600.000 \times 14,29\% = 6.230.440 \text{ (đồng)} \\ \text{Aficio MP 201 SPF} & \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Mức trích khấu hao hàng} \\ \text{quý của máy photocopy} &= \frac{6.230.440}{12} \times 3 = 1.557.610 \text{ (đồng)} \\ \text{Ricoh Aficio MP 201 SPF} & \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Mức trích khấu hao giảm quý} \\ \text{IV/20015 của máy photocopy} &= \frac{6.230.440}{12} \times 2 = 1.038.407 \text{ (đồng)} \\ \text{Ricoh Aficio MP 201 SPF} & \end{aligned}$$

#### 2.3.3.2. Chứng từ sử dụng tại công ty

- Bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Phiếu kế toán

**Biểu số 2.16: Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định tại công ty quý IV/2015**

**Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung  
Số 90 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng**

**BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY**

Quý IV Năm 2015

STT	Chi tiêu	Số năm sử dụng	Nguyên giá	Số khấu hao	Tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	Chi phí bán hàng	Chi phí quản lý doanh nghiệp
I	Số khấu hao đã trích quý trước		7.167.830.000	189.235.446	154.803.899	-	34.431.547
II	Số khấu hao tăng quý này		1.384.345.454	34.608.637	34.608.637	-	-
1	Mua ô tô đầu kéo ô tô đầu kéo Interndional 15C –17398		1.059.163.636	26.479.091	26.479.091	-	-
2	Mua Somi Romooc tải 15R – 09405		325.181.818	8.129.546	8.129.546	-	-
III	Số khấu hao giảm quý này		43.600.000	1.038.407	-	-	1.038.407
1	Máy photocopy Ricoh Aficio MP 201 SPF		43.600.000	1.038.407			1.038.407
<b>IV</b>	<b>Số khấu hao phải trích quý này</b>		<b>8.508.575.454</b>	<b>222.805.676</b>	<b>189.412.536</b>	-	<b>33.393.140</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập  
(Nguồn: Phòng kế toán công ty)



**Biểu số 2.17: Phiếu kế toán số 84**

**Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung**  
**Số 90 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số: 84

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Trích khấu hao TSCĐ quý IV	154		189.412.536			
		642		33.393.140			
			214	222.805.676			
	<b>Cộng</b>						

Ngày 31 tháng 12 năm 2015  
**Người lập phiếu**  
*(Ký, họ tên)*

**2.3.3.3. Tài khoản sử dụng tại công ty**

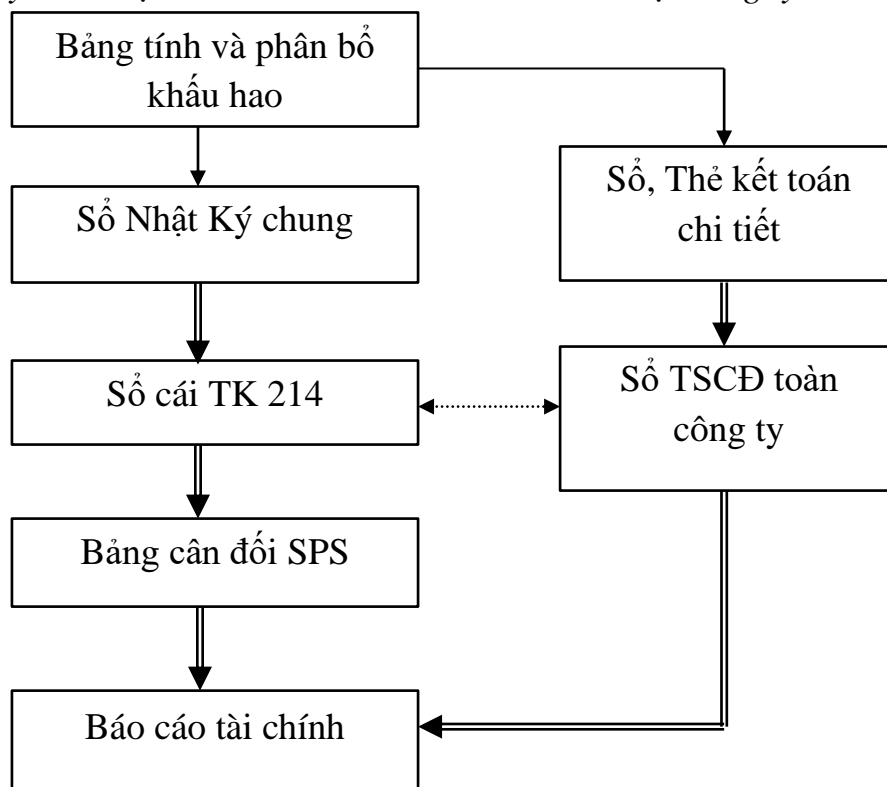
Để hạch toán khấu hao TSCĐ công ty sử dụng tài khoản sau:

- TK 214: Hao mòn TSCĐ
- Các tài khoản khác có liên quan

**2.3.3.4. Sổ sách sử dụng tại công ty**

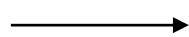
- Thẻ TSCĐ
- Nhật kí chung
- Sổ cái TK 214

2.3.3.5. Quy trình hạch toán kế toán khấu hao TSCĐ tại công ty

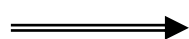


Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán khấu hao TSCĐ hữu hình tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung

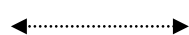
**Ghi chú:**



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kì



Đối chiếu, kiểm tra

**Biểu số 2.18: Sổ nhật ký chung năm 2015**

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung  
Số 90 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÍ CHUNG**

**Năm 2015**

*Đơn vị tính: đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
31/12	GBC2422	31/12	Quảng Lợi thanh toán cước vận chuyển – HĐ163	112 131	17.288.000	17.288.000
31/12	PC232	31/12	Thanh toán phí chi hộ CEC làm dịch vụ	331 111	5.722.881	5.722.881
31/12	PC233	31/12	Thanh toán phí dịch vụ hải quan cho Vinacus – HĐ 365	1331 154 111	215.000 2.150.000	2.365.000
31/12	PC234	31/12	Thanh toán tiền đồ mực máy in cho Hoàng Phát – HĐ 21003	1331 6422 111	11.000 110.000	121.000
31/12	GBC2452	31/12	Cargo Road thanh toán tiền cước vận chuyển tháng 9	112 131	39.435.000	39.435.000
31/12	PC235	31/12	Thanh toán tiền nước uống quý 3 cho Phù Đổng - HĐ 384	1331 6422 111	139.091 1.390.909	1.530.000
31/12	PC236	31/12	Thanh toán tiền chuyển phát nhanh cho Thành Lộc - HĐ 7654	1331 6422 111	39.273 392.727	432.000
31/12	PKT84	31/12	Khấu hao TSCĐ quý IV	154 642 214	189.412.536 33.393.140	222.805.676
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>52.911.294.191</b>	<b>52.911.294.191</b>

**Người lập phiếu**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015  
**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)  
(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

**Biểu số 2.19: Sổ cái TK 214 năm 2015**

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung  
Số 90 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
**Năm 2015**

Tên tài khoản: **Khấu hao tài sản cố định** Số hiệu: **214**

Đơn vị tính: **đồng**

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>Số dư đầu kỳ</b>			<b>1.216.366.995</b>
		<b>Số phát sinh</b>			
PKT31	31/03	Khấu hao TSCĐ quý I	154		154.803.899
			642		34.431.547
PKT42	30/06	Khấu hao TSCĐ quý II	154		154.803.899
			642		34.431.547
PKT66	30/09	Khấu hao TSCĐ quý III	154		154.803.899
			642		34.431.547
BBTL01	02/11	Thanh lý máy photocopy	211	15.056.898	
PKT84	31/12	Khấu hao TSCĐ quý IV	154		189.412.536
			642		33.393.140
		<b>Cộng SPS</b>		<b>15.056.898</b>	<b>790.512.014</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>			<b>1.991.822.111</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)  
(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

### ***2.3.4. Kế toán sửa chữa TSCĐ hữu hình tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung***

Tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung chi phí sửa chữa TSCĐ phát sinh chủ yếu do sửa chữa phương tiện vận tải, sửa chữa máy vi tính, thiết bị văn phòng...hoàn toàn do công ty thuê ngoài. Tùy theo quy mô, tính chất của công việc sửa chữa, sửa chữa TSCĐ được chia thành:

- Sửa chữa thường xuyên TSCĐ
- Sửa chữa lớn TSCĐ

Toàn bộ chi phí sửa chữa TSCĐ được kế toán tập hợp trực tiếp vào các khoản chi phí của các bộ phận sử dụng TSCĐ.

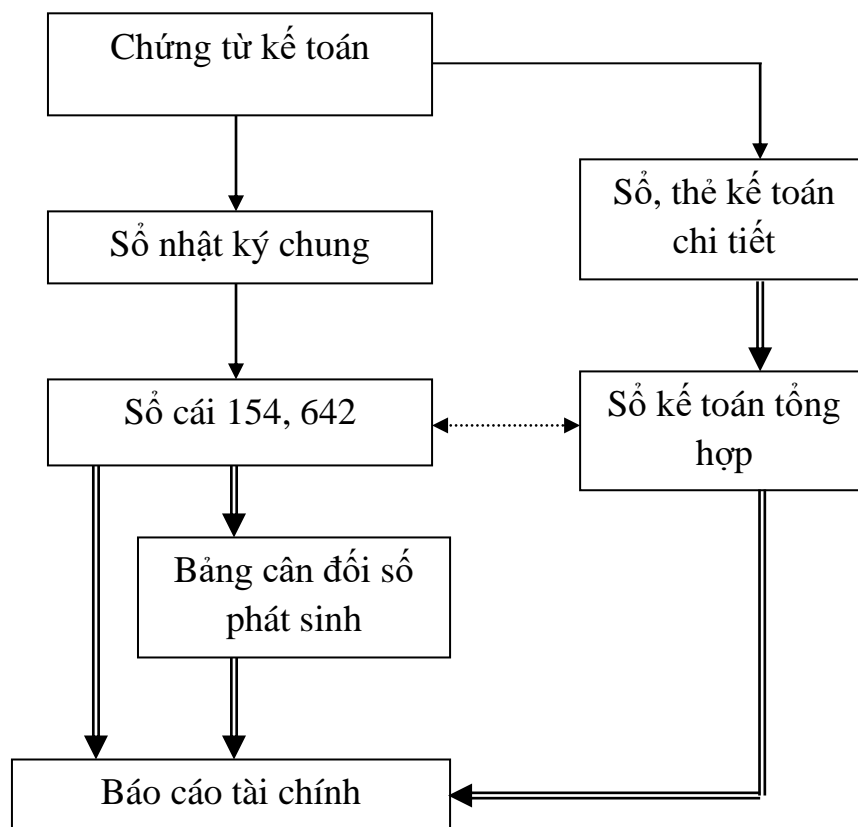
#### *2.3.4.1. Chứng từ sử dụng tại công ty*

- Quyết định sửa chữa TSCĐ
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản bàn giao sửa chữa lớn TSCĐ
- Phiếu chi hoặc ủy nhiệm chi

#### *2.3.4.2. Sổ sách sử dụng tại công ty*

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 154, TK 642
- Các sổ sách có liên quan

#### *2.3.4.3. Quy trình hạch toán kế toán sửa chữa tại công ty*



Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ hạch toán sửa chữa TSCĐ tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung

**Ghi chú:**

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kì
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

2.3.4.4. Ví dụ về kế toán sửa chữa TSCĐ tại công ty

Ví dụ 4: Ngày 31 tháng 12 thay lốp xe cho Somi Romooc- biển số 15R-005.44 tại Công ty Cổ phần Thương mại Cơ khí Tân Thanh, số tiền 13.200.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

Sửa chữa TSCĐ tại công ty được hạch toán như sau:

- ✓ Hóa đơn GTGT số 0003575 (Biểu số 2.20), Phiếu chi số 417 (Biểu số 2.21), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.27 – trang 73)
- ✓ Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 154 (Biểu số 2.28 – trang 74).

**Biểu số 2.20: Hóa đơn GTGT số 0003575**

<b>HÓA ĐƠN</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu: QT/15P			
Liên 2: Giao khách hàng		Số: 0003575			
Ngày 31 tháng 12 năm 2015					
Đơn vị bán hàng: <b>Công Ty Cổ Phần Thương Mại Cơ Khí Tân Thanh</b>					
Mã số thuế: <b>023170085</b>					
Địa chỉ: Lô CN2.9, KCN MP Đình Vũ, Khu KT Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, HP					
Số tài khoản: 326054688					
Điện thoại: 093 622 368					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung					
Mã số thuế: 0201247310					
Địa chỉ: 90 Trần Khánh Dư, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK		Số tài khoản: 132082299			
STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Thay lớp Tiron HT77	Cái	6	2.000.000	12.000.000
Cộng tiền hàng					12.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		1.200.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					13.200.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

**Biểu số 2.21: Phiếu chi số 417**

<p><b>Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung</b>  <b>Số 90 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng</b></p>	<p><b>Mẫu số 02 - TT</b>                  (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)</p>			
<p><b>PHIẾU CHI</b></p> <p><b>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</b></p>				
<p>Họ tên người nhận tiền: Phạm Văn Hoàng                  Địa chỉ: Công ty Cổ phần Thương mại Cơ khí Tân Thanh                  Lý do chi: Thanh toán tiền thay lốp Somi Romooc - biển số 15R-005.44                  Số tiền: 13.200.000 đồng                  Viết bằng chữ: Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn                  Kèm theo: 01 Chứng từ gốc</p>				
<p><b>Giám đốc</b>                  (Ký, họ tên, đóng dấu)</p>	<p><b>Kế toán trưởng</b>                  (Ký, họ tên)</p>	<p><b>Người nhận tiền</b>                  (Ký, họ tên)</p>	<p><b>Người lập phiếu</b>                  (Ký, họ tên)</p>	<p><b>Thủ quỹ</b>                  (Ký, họ tên)</p>

*(Nguồn: Phòng kế toán công ty)*

Ví dụ 5: Ngày 03/10, Công ty thuê công ty Lắp máy Việt Nam sửa chữa gầm và đại tu xe đầu kéo nhãn hiệu FAW mang biển số 15C-13491 và đã hoàn thành bàn giao vào ngày 30/11. Tổng giá trị sửa chữa là 57.200.000 đồng trong đó thuế GTGT là 10%.

Kế toán hạch toán chi phí sửa chữa gầm và đại tu xe ô tô đầu kéo như sau:

- ✓ Căn cứ vào Quyết định số 43 về việc sửa chữa TSCĐ (Biểu số 2.22), Bảng kê phụ từng sửa chữa (Biểu số 2.23), Hóa đơn GTGT số 0000287 (Biểu số 2.24), Biên bản giao nhận sửa chữa lớn hoàn thành (Biểu số 2.25), Ủy nhiệm chi số 2563 (Biểu số 2.26), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.27 – trang 72)
- ✓ Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 154 (Biểu số 2.28 – trang 74).



**Biểu số 2.22: Quyết định số 43/2015/QĐ**

Công ty TNHH Thương mại và  
Giao nhận Minh Trung  
.....  
Số 55/2015/QĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
.....

Hải phòng, ngày 03 tháng 10 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**“Về việc sửa chữa tài sản cố định”**

Căn cứ vào tờ trình đề nghị sửa chữa của ông Nguyễn Minh Huệ, chức vụ lái xe đầu kéo nhãn hiệu International mang biển số 15C-13491 và biên bản kiểm tra của phòng Quản lý vận tải vào ngày 09 tháng 10 năm 2013.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:**

Giao cho phòng Quản lý vận tải liên hệ kiểm tra trong suốt quá trình sửa chữa xe đầu kéo nhãn hiệu FAW mang biển số 15C-13491.

**Điều 2:**

Trưởng phòng Quản lý vận tải có nhiệm vụ kiểm tra chặt chẽ quá trình sửa chữa trước khi tiến hành bàn giao đưa vào sử dụng.

**Điều 3:**

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các phòng ban liên quan có nhiệm vụ thi hành quyết định này.

Nơi nhận

-Điều 3

-Lưu

**Giám đốc công ty**

*(Nguồn: Phòng kế toán công ty)*

**Biểu số 2.23: Bảng kê phụ tùng sửa chữa****CÔNG TY TNHH LẮP MÁY VIỆT NAM**

124 Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: 04 863 3067

**BẢNG KÊ PHỤ TÙNG SỬA CHỮA**

Ngày 30 tháng 11 năm 2015

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung

Địa chỉ: 90 Trần Khánh Dư, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Trước hết, xin cảm ơn Quý công ty đã sử dụng dịch vụ của chúng tôi. Sau đây chúng tôi xin gửi Quý công ty bảng kê chi tiết phụ tùng sửa chữa của hóa đơn GTGT 287.

STT	Hạng mục	Vật tư thay thế	Số tiền	VAT	Thành tiền
1	Giám sát xe	Định vị TG-102	4.105.000	410.500	4.515.500
2	Giám sát xe	Lập trình lại ECU của xe đầu kéo	3.700.000	370.000	4.070.000
3	Sửa chữa	Thay bộ ty + van + đầu béc mới, thay mới bi, sim phốt, can, lò xo	6.000.000	600.000	6.600.000
4	Sửa chữa	Tổng côn trên xe đầu kéo	900.000	90.000	990.000
5	Sửa chữa	Tổng côn dưới xe đầu kéo	900.000	90.000	990.000
6	Nâng cấp	Lọc dầu xe đầu kéo Gabriel	680.000	68.000	748.000
7	Nâng cấp	Lọc gió đầu kéo mỹ freightliner	800.000	80.000	880.000
8	Nâng cấp	Badosoc cascadia	2.300.000	230.000	2.530.000
9	Nâng cấp	Bánh đà 5MP 2.0 và 2.2D	9.200.000	920.000	10.120.000
10	Nâng cấp	Bóng hơi cầu ngấn WAP	1.500.000	150.000	1.650.000
11	Nâng cấp	Bàn đạp chân ga	1.000.000	100.000	1.100.000
12	Nâng cấp	Bàn đạp phanh	600.000	60.000	660.000
13	Nâng cấp	Gương Cascadia Mỹ	5.000.000	500.000	5.500.000
14	Nâng cấp	Trục bộ hạ áp	3.100.000	310.000	3.410.000
15	Nâng cấp	Táp lô Inter 9400	2.215.000	221.500	2.436.500
16	Nâng cấp	Điều hoà rời maxfor	10.000.000	1.000.000	11.000.000
		<b>Tổng cộng</b>	<b>52.000.000</b>	<b>5.200.000</b>	<b>57.200.000</b>

**Bảng chữ:** Năm mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng chẵn

Bảng kê được đính kèm hóa đơn GTGT.

**Biểu số 2.24: Hóa đơn GTGT số 0000287**

<b>HÓA ĐƠN</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu: QT/15P			
Liên 2: Giao khách hàng		Số: 0000287			
Ngày 30 tháng 11 năm 2015					
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH LẮP MÁY VIỆT NAM</b>					
Mã số thuế: <b>0104940762</b>					
Địa chỉ: 124 Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội					
Số tài khoản: 0102303649					
Điện thoại: 04 863 3067					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung					
Mã số thuế: 0201247310					
Địa chỉ: 90 Trần Khánh Dư, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK		Số tài khoản: 132082299			
STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Sửa chữa xe đầu kéo nhãn hiệu FAW biển số 15C-13491	Chiếc	01		52.000.000
Cộng tiền hàng					52.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		5.200.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					57.200.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

**Biểu số 2.25: Biên Bản Giao Nhận TSCĐ Sửa Chữa Lớn Hoàn Thành số 03/2015**

Công ty TNHH Thương Mại và  
Giao Nhận Minh Trung  
Số: 03/2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

Hải Phòng, ngày 30 tháng 11 năm 2015

**BIÊN BẢN GIAO NHẬN TSCĐ SỬA CHỮA LỚN HOÀN THÀNH**

Căn cứ vào quyết định số 55/2015/QĐ ngày 03 tháng 10 năm 2015 của Giám đốc công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung về việc đưa TSCĐ ra sửa chữa lớn.

Chúng tôi bao gồm:

Bà: Trần Thị Hồng Duyên – Giám đốc công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung (Đại diện bên có TSCĐ)

Ông: Nguyễn Minh Huệ - Lái xe đầu kéo mang biển số 15C-13491 (Đại diện bên có TSCĐ)

Ông: Phạm Quốc Hùng – Tổ trưởng tổ lắp máy Công ty TNHH Lắp máy Việt Nam – Đại diện bên giao TSCĐ)

Chúng tôi tiến hành kiểm nhận việc sửa chữa TSCĐ như sau:

Tên TSCĐ, mã hiệu: Xe đầu kéo nhãn hiệu FAW biển số 15C-13491

Bộ phận quản lý, sử dụng TSCĐ: Phòng Quản lý vận tải

Bộ phận phụ trách sửa chữa TSCĐ: Công ty TNHH lắp máy Việt Nam

Đơn vị tính: VNĐ

Tên phương tiện sửa chữa	Nội dung, công việc sửa chữa	Giá trị dự toán	Chi phí thực tế	Kết quả kiểm tra
Xe đầu kéo nhãn hiệu FAW biển số 15C-13491	Đại tu máy, gầm	57.200.000	57.200.000	Đảm bảo chất lượng

Kết luận: Thiết bị đã được sửa chữa đảm bảo chất lượng, có thể đưa vào sử dụng

**Đại diện bên có TSCĐ**

**Đại diện bên giao TSCĐ**

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

**Biểu số 2.26: Ủy nhiệm chi số 2563**



**ỦY NHIỆM CHI / PAYMENT ORDER**

Số / No: 2563

Ngày / Date: 03/12/2015

-----**ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN / APPLICANT**-----

**Tên tài khoản / Acct's Name : Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung**

**Số tài khoản / Acct No: 132082299** Tại ngân hàng Á Châu - chi nhánh / At ACB - Branch : **Duyên Hải**

**Đơn vị thụ hưởng / Beneficiary: Công ty TNHH lắp máy Việt Nam**

**Số tài khoản / Acct No: 0102303649**

**Tại ngân hàng / Beneficiary's Bank: BIDV- CN Hải Phòng** Tỉnh, TP / Province, City: Hải Phòng

**Số tiền bằng chữ /:** Năm mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng chẵn **Bằng số /:** 57.200.000 đ

Amount in words

In figures

**Nội dung / Details :** Công ty Minh Trung thanh toán tiền sửa chữa Xe đầu kéo nhãn hiệu FAW biển số 15C-13491 cho công ty TNHH Lắp máy Việt Nam

<b>ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN / Applicant</b>		<b>NGÂN HÀNG Á CHÂU / ACB</b>	<b>NGÂN HÀNG B / B Bank</b>
<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Chủ tài khoản</b>	<b>Ghi sổ ngày / Post Date .....</b>	<b>Ghi sổ ngày / Post Date .....</b>
Chief Accountant	Account Holder	<b>Giao dịch viên</b>	<b>Trưởng đơn vị</b>
		Teller	Manager
			<b>Trưởng đơn vị</b>
			Manager

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

**Biểu số 2.27: Nhật Ký chung năm 2015**

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung  
Số 90 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÍ CHUNG**

**Năm 2015**

*Đơn vị tính: đồng*

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
30/11	UNC2563	30/11	Sửa chữa Xe đầu kéo nhãn hiệu FAW biển số 15C-13491	154 1331 112	52.000.000 5.200.000	57.200.000
30/11	PC174	30/11	ACB trả lại tiền thừa do tính phí chuyển tiền công ty Trang Linh bị sai	112 6422	19.815	19.815
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PC192	31/12	Thanh toán tiền lưu bãi xe tháng 12 – HĐ 3650	1331 154 111	200.000 2.000.000	2.200.000
31/12	GBC2452	31/12	Công ty 3G thanh toán tiền cước vận chuyển – HĐ 1563	112 131	39.435.000	39.435.000
31/12	PC193	31/12	Phí local charge hàng xuất - HĐ 3131	1331 154 111	310.875 3.108.735	3.419.610
31/12	PC194	31/12	Thanh toán tiền thay lốp somi romooc 15R – 005.44	154 1331 111	12.000.000 1.200.000	13.200.000
31/12	PC195	31/12	Thanh toán phí hạ hàng – HĐ 13276	1331 154 111	43.000 430.000	473.000
...	...	...	...	...	...	...
<b>Cộng phát sinh</b>					<b>52.911.294.191</b>	<b>52.911.294.191</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập phiếu**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)  
(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

**Biểu 2.28: Sổ cái TK 154**

**Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung  
Số 90 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng**

Mẫu số S03b- DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2015**

**Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang**

**Số hiệu: 154**

**Đơn vị tính: đồng**

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>Số dư đầu kỳ</b>			
		<b>Số phát sinh</b>			
...	...	...	...	...	...
PC172	29/11	Thanh toán phí gửi bãi tháng 11	111	1.636.364	
PC173	29/11	Sửa chữa xe container biển xe 15C - 77345	111	6.010.000	
UNC2563	30/11	Sửa chữa xe đầu kéo nhãn hiệu FAW biển số 15C-13491	112	52.000.000	
...	...	...	...	...	...
PC190	31/12	Thanh toán tiền dầu nhớt tháng 12	111	1.710.000	
PC191	31/12	Thanh toán tiền mua ắc quy xe	111	3.120.000	
PC192	31/12	Thanh toán tiền lưu bãi xe tháng 12 – HĐ 3650	111	2.000.000	
PC193	31/12	Phí local charge hàng xuất - HĐ 3131	111	3.108.735	
PC194	31/12	Thanh toán tiền thay lốp Somi Romooc- biển số 15R-005.44	111	12.000.000	
PC195	31/12	Thanh toán phí hạ hàng – HĐ 13276	111	430.000	
PC196	31/12	Sửa bộ phận làm lạnh đầu kéo 15C - 23556	111	1.000.000	
...	...	...	...	...	...
		<b>Cộng SPS</b>		<b>28.578.359.212</b>	<b>28.578.359.212</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)  
(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

### **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN MINH TRUNG**

#### **3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán TSCĐ tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung**

##### **3.1.1. Những ưu điểm trong công tác kế toán của công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung**

Sau thời gian thực tập và qua quá trình nghiên cứu tổ chức công tác kế toán đặc biệt là công tác kế toán TSCĐ tại công ty theo em công tác kế toán tại công ty có những ưu điểm sau:

Về bộ máy quản lý: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty là tương đối phù hợp, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo quản lý chặt chẽ. Mỗi bộ phận có một chức năng, nhiệm vụ riêng nhưng liên hệ mật thiết với nhau, đảm bảo cung cấp thông tin chính xác và nhanh chóng cung cấp kịp thời góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của Ban lãnh đạo công ty.

Về tổ chức bộ máy kế toán: Công ty áp dụng mô hình bộ máy kế toán tập trung, phù hợp với quy mô và đặc điểm kinh doanh của công ty nên công việc được phân bổ đồng đều ở các khâu, kịp thời cập nhật số liệu kế toán. Mỗi kế toán viên nhận từng phần hành kế toán khác nhau, phù hợp với trình độ năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty, đảm bảo nguyên tắc chuyên môn hóa. Đồng thời các kế toán viên cùng chịu sự quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của từng nhân viên trong phòng.

Về hệ thống chứng từ, sổ sách: Hệ thống sổ sách kế toán của công ty tương đối phù hợp với quy định của Bộ Tài Chính. Hình thức Nhật ký chung được sử dụng rất phù hợp với trình độ của các nhân viên kế toán của công ty. Các chứng từ sử dụng trong công ty đều theo quy định, hướng dẫn của Bộ Tài Chính, được tuân thủ về cả nội dung, thực hiện khá rõ ràng, chi tiết, trung thực và đầy đủ. Sự luân chuyển chứng từ được sắp xếp hợp lý trong nội bộ, tạo ra sự hoạt động nhịp nhàng góp phần đạt hiệu quả về chất lượng công việc.

Về hệ thống tài khoản: Công ty đã áp dụng hệ thống tài khoản theo Quyết Định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC.



Về tổ chức công tác kế toán tổng hợp TSCĐ hữu hình: Khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tăng, giảm TSCĐ công ty đều phản ánh đúng, kịp thời chính xác theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

Về công tác kế toán chi tiết TSCĐ: Kế toán đảm bảo theo dõi đầy đủ TSCĐ về năm sản xuất, năm sử dụng, nguyên giá, giá trị hao mòn, giúp cho kế toán quản lý chi tiết TSCĐ được chặt chẽ và có hiệu quả.

Về công tác khấu hao TSCĐ: Đối với kế toán TSCĐ, kế toán đảm bảo việc thực hiện trích lập, hạch toán kịp thời số khấu hao vào đối tượng chịu chi phí và giá trị hao mòn của TSCĐ. Hàng quý, công ty đều lập bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ. Công ty áp dụng đúng chế độ kế toán khấu hao theo TT45/2013/TT – BTC và áp dụng khấu hao đường thẳng, tiến hành trích khấu hao theo quý, tỉ lệ khấu hao tùy từng loại tài sản, phản ánh đúng số khấu hao phải tính và phân bổ vào đối tượng sử dụng TSCĐ.

Về tình hình bảo dưỡng TSCĐ: Công ty đã thực hiện chế độ bảo dưỡng, kịp thời sửa chữa TSCĐ đặc biệt là phương tiện vận tải phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty.

### ***3.1.2. Những hạn chế trong công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung***

Bên cạnh những ưu điểm trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán TSCĐ nói riêng. Công ty vẫn còn tồn tại những vấn đề khách quan, chủ quan cần phải khắc phục cụ thể như sau:

Về tình hình hạch toán sửa chữa lớn TSCĐ: Toàn bộ chi phí sửa chữa TSCĐ tại công ty được kế toán tập hợp trực tiếp vào các khoản chi phí sản xuất kinh doanh. Nhưng theo quy định, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ được đưa vào chi phí phải trả nếu sửa chữa theo kế hoạch hay đưa vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ cho nhiều kỳ. Đối với những chi phí sửa chữa, nâng cấp làm tăng tuổi thọ TSCĐ hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ. Việc hạch toán chi phí sửa chữa lớn đủ điều kiện tăng nguyên giá vào chi phí sản xuất kinh doanh mà không hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ sẽ dẫn đến việc trích khấu hao cơ bản sẽ không chính xác, dẫn đến giá thành bị sai lệch và kết quả lợi nhuận không chính xác dẫn đến việc đưa ra các quyết định quản lý không có cơ sở khoa học.

Về tình hình trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ: Công ty chưa tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ. Khi nghiệp vụ sửa chữa TSCĐ phát

sinh công ty tập hợp trực tiếp vào chi phí sản xuất kinh doanh. Việc không trích trước chi phí sửa chữa TSCĐ sẽ làm cho chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tăng lên đột ngột, làm ảnh hưởng đến giá thành sản xuất ảnh hưởng đến lợi nhuận của kỳ báo cáo, vì thế thông tin do công tác kế toán cung cấp có thể sẽ giảm bớt độ chính xác về kết quả kinh doanh.

Về khấu hao TSCĐ hữu hình: Công ty chưa thực hiện trích khấu hao theo ngày theo TT45/2013. Cụ thể, công ty đang sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng để trích khấu hao và làm tròn theo tháng nhưng theo quy định về trích khấu hao TSCĐ theo Khoản 9 Điều 9 TT45/2013/TT – BTC về nguyên tắc trích khấu hao TSCĐ: “Việc trích hoặc thôi trích khấu hao TSCĐ được thực hiện bắt đầu từ ngày (theo số ngày của tháng) mà TSCĐ tăng hoặc giảm. Doanh nghiệp thực hiện hạch toán tăng giảm TSCĐ theo quy định hiện hành về chế độ kế toán doanh nghiệp”. Tức là, phải bắt đầu khấu hao vào đúng ngày ghi nhận tăng TSCĐ và bắt đầu thôi trích khấu hao vào ngày ghi nhận giảm TSCĐ.

Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán dẫn đến hiệu quả công việc chưa cao. Mặc dù công ty đã trang bị máy tính cho phòng kế toán song việc ứng dụng công nghệ chỉ dừng lại ở việc tính toán số liệu trên excel, lưu trữ tài liệu. Công tác kế toán vẫn hạch toán theo cách thủ công truyền thống, vẫn chưa giảm bớt thời gian trong khâu lập sổ sách cũng như các báo cáo kế toán.

### **3.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung**

#### ***3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung***

TSCĐ là một trong những yếu tố cơ bản tạo nên cơ sở vật chất cho hoạt động của mọi doanh nghiệp nói chung và nhất là công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung nói riêng. Ngoài ra TSCĐ là điều kiện cần thiết để giảm hao phí sức lao động của con người, nâng cao năng suất lao động.

Chính vì vậy TSCĐ là yếu tố quan trọng để tạo nên sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp. Trong thực tế TSCĐ không chỉ được mua mà còn phải quản lý sử dụng có hiệu quả. Vì vậy, muốn sử dụng TSCĐ đúng mục đích và có hiệu quả công ty cần có phương pháp quản lý khoa học, tạo điều kiện thu hồi vốn đầu tư nhanh để tái sản xuất trang thiết bị và đổi mới theo kịp nhu cầu của thị trường. Để đạt được điều đó, các nhà quản lý phải sử dụng rất nhiều công cụ

quản lý khác nhau trong đó có công tác kế toán. Thực tại đối với công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung thì kế toán TSCĐ được coi là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển và kinh doanh của công ty. Thông qua các ghi chép chi tiết, và phân loại tổng hợp kế toán TSCĐ sẽ đưa ra các thông tin hữu ích, phản ánh kịp thời tình hình tài sản và sự vận động tài sản của doanh nghiệp.

### **3.2.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung.**

Nhìn chung công tác hạch toán kế toán của công ty có nhiều ưu điểm và tính phù hợp cao đã đem lại hiệu quả song vẫn còn tồn tại một số hạn chế làm cho công tác kế toán TSCĐ chưa thực sự hoàn thiện. Qua quá trình nghiên cứu em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến góp phần hoàn thiện hệ thống kế toán TSCĐ tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung.

#### **3.2.2.1. Ý kiến thứ nhất: Công ty phải hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ đối với những chi phí sửa chữa lớn làm tăng tuổi thọ của xe ô tô**

Ngày 03/10, Công ty thuê công ty lắp máy Việt Nam sửa chữa gầm và đại tu xe đầu kéo nhãn hiệu FAW mang biển số 15C-13491. Tổng giá trị sửa chữa là 57.200.000 đồng trong đó thuế GTGT là 10% và hoàn thành sửa chữa đưa vào sử dụng ngày 30/11/2015.

Chi phí sửa chữa lớn này làm tăng tuổi thọ cho xe đầu kéo nhãn hiệu FAW biển số 15C-13491 do đó đủ điều kiện hạch toán vào nguyên giá TSCĐ nhưng kế toán công ty hạch toán chi phí sửa chữa xe đầu kéo nhãn hiệu FAW biển số 15C-13491 vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang số tiền 52.000.000 đồng mà không hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ. Như vậy, việc trích khấu hao cơ bản sẽ không chính xác, dẫn đến giá thành bị sai và kết quả lợi nhuận không chính xác dẫn đến việc đưa ra các quyết định quản lý không có cơ sở khoa học.

Kế toán cần hạch toán chi phí sửa chữa như sau:

Ngày 30/11/2015, khi phát sinh nghiệp vụ sửa chữa sửa chữa xe đầu kéo 15C-13491, kế toán tiến hành ghi:

Nợ TK 211:	52.000.000
Nợ TK 1332:	5.200.000
Có TK 112:	57.200.000

Bên cạnh đó xe đầu kéo nhãn hiệu FAW biển số 15C-13491 là xe cũ được công ty mua ngày 27/8/2013 và lúc này theo đăng kiểm thời hạn sử dụng của xe

còn 6 năm (hạn sử dụng đến hết năm 2019). Sau khi tiến hành đại tu ngày 30/11/2015 thời gian sử dụng của xe đầu kéo nhãn hiệu FAW biển số 15C-13491 được chuyên gia về ô tô đánh giá lại tăng 1 năm, tức là xe này sẽ hết hạn sử dụng vào năm 2020, do đó nguyên giá và trích KHCB của xe đầu kéo nhãn hiệu FAW biển số 15C-13491 từ quý 4/2015 cũng phải thay đổi như sau:

- ✓ Về Nguyên giá: từ ngày 30/11/2015 nguyên giá của xe đầu kéo nhãn hiệu FAW 15C-13491 sẽ bằng:

$$\begin{aligned} & \text{Nguyên giá của} \\ & \text{xe đầu kéo FAW} = 395.640.000 + 52.000.000 = 447.640.000 \text{ (đồng)} \\ & \text{15C-13491} \end{aligned}$$

- ✓ Về tỷ lệ khấu hao: từ tháng 9/2013 đến 30/9/2015 xe đầu kéo 15C-13491 được trích KHCB với tỷ lệ  $100\%/6 = 16,67\%$ . Sau khi đại tu ngày 30/11/2015, theo chuyên gia về ô tô đánh giá thời gian sử dụng của xe đầu kéo nhãn hiệu FAW biển số 15C-13491 được đánh giá tăng 1 năm, tức là xe này sẽ hết hạn sử dụng vào năm 2020, do đó tỷ lệ trích KHCB của xe đầu kéo nhãn hiệu FAW biển số 15C-13491 từ ngày 01/12/2015 cũng phải thay đổi và  $= 100\%/7 = 14,3\%$ .
- ✓ Về mức trích KHCB: Do xe đầu kéo 15C-13491 tăng nguyên giá và thay đổi tỷ lệ KHCB nên mức trích khấu hao hàng quý 4/2015 của xe đầu kéo 15C-13491 như sau:

$$\begin{aligned} \text{Mức trích khấu} &= \frac{395.640.000 \times 16,67\%}{12} \times 2 + \frac{447.640.000 \times 14,3\%}{12} \times 1 \\ \text{hao quý IV/2015} &= 16.326.575 \text{ (đồng)} \end{aligned}$$

Như vậy, so với cách tính toán KHCB xe đầu kéo 15C-13491 của công ty với cách tính lại này thì chi phí KHCB xe đầu kéo 15C-13491 quý 4/2015 giảm là:  $395.640.000 \times 16,67\%/4 - 16.326.575 = 161.722$  đồng.

### 3.2.2.2. Ý kiến thứ hai: Công ty nên trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

Trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ: Việc sửa chữa TSCĐ là vấn đề cần thiết và quan trọng nhằm duy trì khả năng hoạt động của TSCĐ và phân bổ đều chi phí vào giá thành sản phẩm. Đối với những nghiệp vụ sửa chữa mà chi phí sửa chữa phát sinh nhiều, công ty nên có kế hoạch sửa chữa, lập dự toán chi phí và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh để đảm bảo nguyên tắc phù hợp trong kế toán. Nguyên tắc này đòi hỏi chi phí phải phù hợp với doanh thu ở

kì mà doanh thu được ghi nhận, tránh trường hợp chi phí phát sinh một cách đột ngột. Các khoản chi phí này thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh để đảm bảo giá thành và tổng chi phí kinh doanh trong kì được ổn định.

- ✓ Khi tiến hành trích trước chi phí sửa chữa TSCĐ tính vào chi phí kinh doanh theo dự toán, kế toán tiến hành hạch toán như sau:

Nợ TK 154: Trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ ở phòng Quản lý vận tải

Có TK 335: Chi phí phải trả

- ✓ Khi thực tế phát sinh chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, kế toán tiến hành hạch toán như sau:

Nợ TK 2413: Giá chưa thuế GTGT

Nợ TK 1331: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111, 112, 131,...: Tổng giá thanh toán

- ✓ Khi quá trình sửa chữa lớn hoàn thành, kế toán tiến hành hạch toán như sau:

➤ Nếu số trích trước nhỏ hơn chi phí thực tế:

Nợ TK 335: Chi phí trích trước

Nợ TK 154, 6422: Phần trích thiếu

Có TK 2413: Chi phí phát sinh thực tế

➤ Nếu số trích trước lớn hơn chi phí thực tế:

Nợ TK 335: Chi phí trích trước

Có TK 154, 6422: Phần trích thừa

Có TK 2413: Chi phí phát sinh thực tế

### 3.2.2.3. Ý kiến thứ ba: Công ty cần thực hiện trích khấu hao theo đúng TT45/2013/BTC

Theo quy định về trích khấu hao TSCĐ theo Khoản 9 Điều 9 TT45/2013/TT – BTC về nguyên tắc trích khấu hao TSCĐ: “Việc trích hoặc thôi trích khấu hao TSCĐ được thực hiện bắt đầu từ ngày (theo số ngày của tháng) mà TSCĐ tăng hoặc giảm. Doanh nghiệp thực hiện hạch toán tăng giảm TSCĐ theo quy định hiện hành về chế độ kế toán doanh nghiệp”.

Khi hạch toán thiếu khấu hao TSCĐ sẽ làm giảm chi phí sản xuất kinh doanh sẽ làm giảm giá thành, tăng lợi nhuận trước thuế, làm tăng chi phí thuế TNDN hiện hành và lợi nhuận sau thuế của báo cáo kết quả kinh doanh. Đối với bảng cân đối kế toán, hạch toán thiếu khấu hao sẽ làm giảm chi phí sản xuất

kinh doanh dở dang, giảm khấu hao TSCĐ, tăng các khoản thuế phải nộp cho nhà nước, làm tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Đối với hạch toán thừa khấu hao TSCĐ thì ngược lại.

\*Như vậy, nếu được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo đúng ngày quy định, khấu hao xe ô tô đầu kéo Interndional biển số 15C –17398 và Somi Romooc mang biển số 15R – 09405 đó sẽ được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao hàng} \\ \text{tháng của ô tô đầu kéo} \\ \text{Interndional 15C –17398} \end{array} \quad \begin{array}{l} 105.916.364 \\ = \frac{\quad}{12} \\ = \end{array} \quad \begin{array}{l} \\ \\ = \end{array} \quad \begin{array}{l} \\ \\ 8.826.364 \text{ (đồng)} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao hàng} \\ \text{tháng của Somi Romooc tải} \\ \text{15R – 09405} \end{array} \quad \begin{array}{l} 32.518.182 \\ = \frac{\quad}{12} \\ = \end{array} \quad \begin{array}{l} \\ \\ 2.709.846 \text{ (đồng)} \end{array}$$

Ngày 06/10/2015, bắt đầu tính khấu hao cho xe ô tô đầu kéo Interndional biển số 15C –17398 và Somi Romooc mang biển số 15R – 09405.

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao quý} \\ \text{IV/2015 của xe đầu kéo} \\ \text{15C –17398} \end{array} \quad \begin{array}{l} 8.826.364 \\ = \frac{\quad}{31} \times 26 \\ = \end{array} \quad \begin{array}{l} \\ \\ + 8.826.364 \times 2 \\ \\ = \end{array} \quad \begin{array}{l} \\ \\ \\ \\ 25.055.485 \text{ (đồng)} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao quý} \\ \text{IV/2015 của Somi Romooc} \\ \text{15R – 09405} \end{array} \quad \begin{array}{l} 2.709.846 \\ = \frac{\quad}{31} \times 26 \\ = \end{array} \quad \begin{array}{l} \\ \\ + 2.709.846 \times 2 \\ \\ = \end{array} \quad \begin{array}{l} \\ \\ \\ \\ 7.692.466 \text{ (đồng)} \end{array}$$

\*Ngày 02/11/2015, công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung thanh lý 01 máy photocopy Ricoh Aficio MP 201 SPF cho Công ty Cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài INLACO Hải Phòng.

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao hàng} \\ \text{tháng của máy photocopy} \\ \text{Ricoh Aficio MP 201 SPF} \end{array} \quad \begin{array}{l} 6.230.440 \\ = \frac{\quad}{12} \\ = \end{array} \quad \begin{array}{l} \\ \\ 519.203 \text{ (đồng)} \end{array}$$

Ngày 2/11/2015 là ngày thôi trích khấu hao của máy photocopy Ricoh Aficio MP 201 SPF.



$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{giảm quý IV/2015 của} \\ \text{máy photocopy Ricoh} \\ \text{Aficio MP 201 SPF} \end{array} = \frac{519.203}{30} \times 29 + 519.203 = 1.021.099$$

Việc tính khấu hao tăng giảm được thể hiện trong bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định quý IV/2015 (Biểu 3.1)

**Biểu số 3.1: Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định tại công ty quý IV/2015**

**Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung  
Số 90 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng**

**BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY**

Quý IV Năm 2015

STT	Chỉ tiêu	Số năm sử dụng	Nguyên giá	Số khấu hao	Tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	Chi phí bán hàng	Chi phí quản lý doanh nghiệp
I	Số khấu hao đã trích quý trước		7.167.830.000	189.235.446	154.803.899	-	34.431.547
II	Số khấu hao tăng quý này		1.436.345.454	32.747.951	32.747.951	-	-
1	Mua ô tô đầu kéo Interndional 15C –17398		1.059.163.636	25.055.485	25.055.485	-	-
2	Mua Sômi Romooc tải 15R – 09405		325.181.818	7.692.466	7.692.466	-	-
3	Xe đầu kéo FAW 15C-13491		52.000.000				
III	Số khấu hao giảm quý này		43.600.000	1.182.821	161.722	-	1.021.099
1	Máy photocopy Ricoh Aficio MP 201 SPF		43.600.000	1.021.099			1.021.099
2	Xe đầu kéo FAW 15C-13491			161.722	161.722		
IV	Số khấu hao phải trích quý này		<b>8.560.575.454</b>	<b>220.800.576</b>	<b>187.390.128</b>	-	<b>33.410.448</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập



Như vậy, tổng chi phí SXKD sau khi hạch toán lại sẽ giảm 54.005.100 đồng. Cụ thể như sau:

- ✓ CFKHCB: so sánh với bảng tính và phân bổ TSCĐ quý IV/2015 (Biểu số 2.16 - trang 59) sau khi tính lại thì chi phí khấu hao tính vào chi phí sản xuất kinh doanh giảm =  $222.805.676 - 220.800.576 = 2.005.100$  đồng.
- ✓ Chi phí sửa chữa xe đầu kéo 15C-13491 sẽ hạch toán tăng NGTSCĐ, do đó, chi phí sản xuất kinh doanh sẽ giảm 52.000.000 đồng.

Khi tổng chi phí SX kinh doanh của công ty giảm sẽ làm tăng lợi nhuận năm 2015 và ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trên bảng Báo cáo kết quả kinh doanh như sau:

- Chỉ tiêu Giá vốn hàng bán giảm 54.005.100 đồng
- Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế tăng 54.005.100 đồng
- Chỉ tiêu Chi phí thuế TNDN tăng 11.881.122 đồng ( $54.005.100 \times 22\%$ )
- Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế tăng 42.123.978 đồng ( $54.005.100 \times 78\%$ )

#### 3.2.2.4. Ý kiến thứ bốn: Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán

Công ty có thể áp dụng những phần mềm kế toán mới có để thuận tiện cho việc hạch toán quản lý TSCĐ. Các phần mềm này có nhiều tiện ích, phù hợp với đặc điểm kinh doanh, loại hình của doanh nghiệp, giảm bớt thời gian trong khâu lập sổ sách cũng như các báo cáo kế toán do lỗi hạch toán thủ công truyền thống. Việc tính toán trên máy thông qua các phần mềm kế toán sẽ chuẩn xác, ít xảy ra sai sót. Người sử dụng có thể lọc thông tin theo nhiều chiều, nhiều điều kiện giúp cho công tác theo dõi TSCĐ và tình trạng sử dụng thuận tiện hơn, tiết kiệm nhân công và chi phí cho doanh nghiệp.

Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán tiện dụng.

- Ví dụ như phần mềm kế toán phần mềm MISA

Ưu điểm:

- + Giao diện: Phần mềm kế toán Misa có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, những người mới bắt đầu sử dụng phần mềm cũng sẽ cảm thấy thoải mái, không nhức mắt, cho phép cập nhật dữ liệu như nhiều hóa đơn 1 phiếu chỉ một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ tuân theo quy định ban hành.
- + Điểm cộng: Phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu - mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu khác nhau, độc lập. Một điểm cộng nữa là khả năng thao tác lưu, ghi sổ dữ liệu cực tốt,

- + Độ chính xác cao: Có thể khẳng định rằng số liệu tính toán trong phần mềm MISA cực kỳ chính xác, khả năng xảy ra các sai sót bất thường do lỗi ở phần mềm là cực hiếm. Điều này giúp những người làm kế toán an tâm hơn nhiều so với các phương thức kế toán khác.
- + Khả năng bảo mật: Công nghệ bảo mật dữ liệu rất cao, gần như tuyệt đối an toàn vì phần mềm Misa chạy trên cơ sở dữ liệu SQL, doanh nghiệp sẽ ít phải đau đầu về vấn đề này như các phần mềm kế toán chạy trên các nền tảng khác. - Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSDL SQL; .NET;... hầu như giữa nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên cơ sở dữ liệu Visual fox lại bị đánh cắp bản quyền rất dễ).

Nhược điểm:

- + Vì có SQL nên MISA nên nếu máy tính cài đặt MISA QUÁ YẾU sẽ rất chậm.
- + Tốc độ xử lý dữ liệu hơi chậm.

Hai nhược điểm trên hoàn toàn có thể khắc phục vì cấu hình máy tính nói chung hiện nay đã nâng lên rất nhiều so với ngày MISA mới xuất hiện trên thị trường. Và thực ra cấu hình đề nghị để chạy MISA cũng chỉ ở mức hơn các ứng dụng văn phòng đôi chút.

Các tính năng nổi bật của phần mềm kế toán MISA

✓ Tính năng phân tích tài chính

Đây có thể nói là một trong những tính năng nổi bật nhất của MISA – Tính năng này sẽ cung cấp nhiều hệ thống báo cáo, biểu đồ phân tích, giúp chủ doanh nghiệp có thể nắm bắt một cách nhanh chóng và chính xác tình hình tài chính, trái tim của Doanh nghiệp.

✓ Phân mục quỹ tiền mặt

Nghiệp vụ quỹ tiền mặt trong MISA sẽ giúp kế toán viên theo dõi được toàn bộ tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền mặt ... của doanh nghiệp. Từ đó tự động đối chiếu với Thủ quỹ công ty để kiểm kê, xử lý những chênh lệch có thể xảy ra.

✓ Phân mục thủ quỹ

Mục “Thủ quỹ” trong phần mềm MISA có thể tự động đối soát Sổ quỹ với Sổ chi tiết tiền mặt để phát hiện và xử lý chênh lệch sau khi kiểm kê.

✓ Phân mục ngân hàng

Mục “Ngân hàng” trong MISA có chức năng tự động đối soát Sổ quỹ với Sổ theo dõi Ngân hàng để kịp xử lý chênh lệch. Không những thế từ đây bạn còn có thể dùng tính năng dự báo dòng tiền, số dư từng tài khoản tương lai

✓ Phân mục mua hàng

Nhập hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá dịch vụ, mua hàng qua kho, không qua kho, mua hàng nhập khẩu, hợp đồng, báo cáo phân tích .... Ngoài ra còn tự động phân bổ chi phí mua hàng, hải quan, hạch toán chiết khấu, theo dõi công nợ phải trả, ..., cực kỳ đa năng!

✓ Phân mục bán hàng

Nhập hoá đơn, chứng từ bán hàng hoá dịch vụ, bán hàng xuất khẩu, hợp đồng, báo cáo phân tích .... Cho phép thiết lập bán hàng theo báo giá, hợp đồng, hàng có chiết khấu. Theo dõi công nợ theo từng giai đoạn, hóa đơn, khách hàng, tự động tính lãi nợ quá hạn.

✓ Phân mục hóa đơn trong MISA

Hỗ trợ DN tạo mẫu, in và sử dụng hóa đơn theo thông tư 39/2014/TT-BTC. Theo dõi thông báo phát hành đối với tem, vé, phiếu nhập kho kiêm vận chuyển nội bộ Điều chỉnh lại thông tin trên hóa đơn đã phát hành, hủy hóa đơn, xử lý mất cháy hỏng hoá đơn ...

✓ Phân mục kho

Nhập kho thành phẩm sản xuất, hàng bán bị trả lại, hàng mua đang đi đường, hàng không sử dụng hết, Xuất kho nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất, đầu tư, góp vốn, bán hàng, biếu tặng, gửi bán, lắp ráp, kiểm kê, .... Tự động đối soát giữa Sổ kho và Sổ chi tiết VTHH của Kế toán để phát hiện, xử lý chênh lệch sau khi kiểm kê.

✓ Phân mục công cụ dụng cụ

Mua, xuất kho, thanh lý, điều chuyển, kiểm kê công cụ dụng cụ. Phân bổ chi phí CCDC theo từng đối tượng tập hợp chi phí, lập biên bản kiểm kê công cụ dụng cụ, và tự động xử lý chênh lệch sau khi kiểm kê.

✓ Phân mục Tài sản cố định

Mua sắm, xuất kho, nhận góp vốn, tài trợ, biếu tặng, nhượng bán, đầu tư, đánh giá, khấu hao, điều chuyển, .... tất tần tật các nghiệp vụ liên quan tới tài sản cố định. Tự động tính khấu hao chi tiết đến từng tài sản cố định, ngoài ra còn

phân bổ chi phí khấu hao cho từng bộ phận, phòng ban, đối tượng tập hợp chi phí. Cho phép lập biên bản kiểm kê tài sản cố định và tự động xử lý chênh lệch sau kiểm kê.

✓ Phân mục hợp đồng

Theo dõi tiến độ các loại hợp đồng, chi tiết chi phí, doanh thu, công nợ và lãi lỗ theo từng hợp đồng, dự án.

✓ Phân mục tổng hợp

- Kết chuyển lãi lỗ, đánh giá tài khoản
- Lập chứng từ quyết toán tạm ứng
- Theo dõi và phân bổ chi phí trả trước
- Lập chứng từ ghi sổ, BCTC
- Phân bổ chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, ....

Giá mua:

- Khởi tạo phần mềm: 2.950.000 đồng/lần
- Thuê bao sử dụng phần mềm: (sử dụng 1 năm)
  - + Starter: Miễn phí
  - + Standard: 3.600.000 đồng
  - + Professional: 4.800.000 đồng
  - + Business: 6.000.000 đồng
  - + Enterprise: 9.600.000 đồng
- Dung lượng bổ sung (1GB): 1.200.000 đồng
- Các gói dịch vụ đào tạo
  - + Đào tạo tập trung (người/khóa): 1.450.000 đồng
  - + Đào tạo trực tiếp tại đơn vị (khóa): 7.950.000 đồng
  - + Tư vấn triển khai (khóa): 20.000.000 đồng

**Biểu số 3.3: Giao diện phần mềm MISA**



- Phần mềm kế toán phần mềm Fast Accounting
- Ưu điểm:
  - Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, fast có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).
  - Tốc độ xử lý rất nhanh.
  - Cho phép kết xuất báo cáo ra Excell với mẫu biểu sắp xếp đẹp.
  - Có thể chạy đồng thời trên ứng dụng Windows và ứng dụng Web thông qua trình duyệt Fast Accounting, chỉ cần truy cập qua địa chỉ web, gõ tên và mật khẩu là có thể làm việc bình thường. Đặc biệt thuận lợi khi làm việc từ xa.
  - Fast Accounting có 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: Dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất.
- Nhược điểm:
  - Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

- Độ bảo mật chưa được ấn tượng.
- Không có các hướng dẫn đính kèm chi tiết.

Giá mua: đơn vị tính: VNĐ

Loại hình doanh nghiệp	Giá phần mềm	Giá dịch vụ đào tạo, tư vấn	Số buổi (2.5h/1 buổi)
Dịch vụ (12 phân hệ)	5.900.000	2.950.000	4
Thương mại(13 phân hệ)	7.900.000	2.950.000	4
Xây lắp(14 phân hệ)	9.900.000	2.950.000	4
Sản xuất(15 phân hệ)	11.900.000	4.450.000	6

**Biểu số 3.4: Giao diện phần mềm Fast Accounting**



- Phần mềm kế toán phần mềm 3TSOFT

**Ưu điểm**

- Dùng thử không giới hạn thời gian, full tiện ích, không bị ảnh hưởng dữ liệu đã nhập khi chuyển từ dùng thử sang dùng chính thức.
- Tích hợp máy quét mã vạch.
- Phần mềm có tốc độ xử lý nhanh, gọn nhẹ, phím tắt đồng nhất các phần hành giúp người dùng cắt giảm hầu hết các thao tác “nút bấm” và “click chuột”..., nâng cao tốc độ tác nghiệp, tiết kiệm thời gian...



- Bản quyền kép cho phép sao chép nhiều chứng từ sử dụng chung cho dữ liệu Thuế - Nội bộ, Công ty mẹ - các chi nhánh, ...
- Không giới hạn số máy tính sử dụng, số người sử dụng.
- Không giới hạn số công ty trên một phần mềm.
- Cho phép kết nối dữ liệu qua Internet.
- Cho phép cập nhật 100% dữ liệu từ Excel bao gồm: Các chứng từ nhập – xuất, thu – chi, danh mục đối tượng, vật tư, hàng hóa, số dư đầu kỳ tài khoản, tồn kho đầu kỳ, ...
- Kết xuất nhanh chóng tờ khai thuế, BCTC sang trực tiếp ứng dụng HTKK
- Phần mềm đa ngôn ngữ: Tiếng Việt; Việt – Anh; Việt – Nhật; Việt – Trung; Việt – Hàn.
- Linh hoạt sửa mẫu báo cáo, in ấn chứng từ, sổ sách hàng loạt một cách dễ dàng, đánh lại số chứng từ hàng loạt theo yêu cầu của người sử dụng: PC-2017-0001; PN-2017-0001.
- Tính giá vốn, tính khấu hao và tính chênh lệch tỷ giá tự động.
- Chức năng kiểm tra sai sót sửa chữa báo cáo chứng từ nhanh chóng tiện ích.
- Sao lưu - phục hồi, truyền nhận dữ liệu dễ dàng giữa các máy tính.
- Vận dụng linh hoạt cho mọi loại hình dịch vụ, thương mại, sản xuất, xây dựng.
- Cho phép mở nhiều cửa sổ cùng lúc, thuận tiện cho việc đối chiếu, kiểm tra
- Sử dụng công nghệ hiện đại .NET + Microsoft SQL Server.
- Hỗ trợ Unicode.
- Và nhiều tính năng ưu việt khác...
  - Những điểm đặc biệt mà 3TSoft mang lại cho doanh nghiệp khi ứng dụng
- + Quản lý, kiểm soát công nợ theo hạn mức thời gian thanh toán và giá trị cho phép.
- + Quản lý, theo dõi hàng tồn kho, đối tượng công nợ, tài sản, công cụ với chi tiết thông tin và hình ảnh cũng như các đặc tính như hạn sử dụng, quản lý theo lô, theo kệ trong kho.
- + Tự động sao lưu dữ liệu trong khoảng thời gian bất kỳ do người quản lý kế toán thiết lập.
- + Các giải pháp ứng dụng được đề xuất theo góc nhìn của các chuyên gia kế toán, kiểm toán, tài chính, thuế, phân tích hoạt động kinh doanh.

- + Hệ thống báo cáo bán hàng đa dạng, phân tích đa chiều đáp ứng đầy đủ thông tin tài chính cho nhà quản lý.
- + Tính năng drilldown đa cấp với tùy chỉnh sửa thông tin tại chỗ.
- + Hướng dẫn sử dụng chi tiết bằng video kèm theo bộ sản phẩm
- + Chi phí đầu tư chỉ bằng lương của nhân viên kế toán trong ½ tháng, chỉ có 30% từ năm thứ 2.
- + Sử dụng dễ dàng tới mức không cần kỹ thuật hỗ trợ, đào tạo, chuyển giao ứng dụng.
- + Nâng cấp, cập nhật hoàn toàn miễn phí phiên bản mới, thường xuyên điều chỉnh chính sách mới về kế toán, kiểm toán, thuế.
- + Chỉ cần thực hiện tính năng Update trên giao diện là toàn bộ những kết quả trên đã được thực hiện.
- + Gọn nhẹ, thân thiện, cài đặt đơn giản, dễ sử dụng (Ngay cả khi người dùng không có nghiệp vụ kế toán) ..
  - Giá mua:
    - ✓ Giá thành cực thấp với phiên bản Tiếng Việt (Bao gồm TT 200 & TT133) chỉ phải bỏ ra mức phí : 2.000.000 đ đã sở hữu 01 bản quyền trọn đời.
    - ✓ Với ưu đãi cực lớn như: Tặng 1 năm hỗ trợ, bảo trì miễn phí, cập nhật, nâng cấp thay đổi phiên bản không mất thêm chi phí.



**Biểu số 3.5: Giao diện phần mềm 3TSOFT**



Ngoài ra còn có các phần mềm: Bravo; Comac; Vietaccount2007; Sunlight...

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán 3TSOFT vì đây là phần mềm kế toán hoàn toàn đáp ứng các chế độ doanh nghiệp, đồng thời luôn cập nhật các chế độ kế toán, tài chính mới nhất. Đối với lĩnh vực Thương mại, dịch vụ: 3TSOFT giúp doanh nghiệp theo dõi tốt các khoản doanh thu, chi phí, công nợ và tự động tính lợi nhuận theo từng phòng ban/ bộ phận, giúp lãnh đạo doanh nghiệp dễ dàng đánh giá được hiệu quả kinh doanh của từng bộ phận, phù hợp với nhu cầu hoạt động của công ty. Hơn nữa giá cả phù hợp với nhiều ưu đãi, chỉ mua một lần đã sở hữu 01 bản quyền trọn đời.

## KẾT LUẬN

Đề tài khóa luận “Hoàn thiện công tác kế toán kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung” đã trình bày và làm rõ một số vấn đề sau:

- Về mặt lý luận:
  - Hệ thống hóa về những vấn đề lý luận chung về công tác kế toán tài sản cố định theo quyết định 48/2006/TT – BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- Về mặt thực tiễn
  - Đề tài đã phản ánh thực tế công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung.
  - Đề tài đã đánh giá được ưu, nhược điểm trong công tác kế toán nói chung, công tác kế toán tài sản cố định nói riêng tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung.
  - Đề tài đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung.

Do thời gian và kiến thức còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý giúp đỡ của thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của **Thạc sĩ Hòa Thị Thanh Hương**, các thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, Ban lãnh đạo và các chị trong phòng kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung đã giúp em hoàn thành bài khóa luận của mình.

**Em xin chân thành cảm ơn!**

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán Doanh nghiệp.
2. Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.
3. Ngô Thế Chi & Trương Thị Thủy (2013), *Giáo trình kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
4. Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung: Tài liệu, sổ sách kế toán.